

TẬP A-HÀM QUYỂN 35

KINH 970. XÁ-LA-BỘ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ² ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà³; giữa đồ chúng của mình, tự tuyên bố như vậy: “Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết.”

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Vương xá khát thực, nghe ngoại đạo tên Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng mình tuyên bố như vậy: “Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết.” Sau khi nghe những lời này, khát thực rồi họ trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng nay chúng con đắp y, mang bát vào thành Vương xá khát thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tuyên bố như vậy: ‘Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết’. Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót Xá-la-bộ, mà đích thân đến bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Vào buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài đến chỗ Xá-la-bộ bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Xuất gia ngoại đạo Xá-la-bộ từ xa trông thấy Thế Tôn đến, lo sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật ngồi. Sau khi Thế Tôn an tọa, Ngài nói với Xá-la-bộ:

“Ông có thật nói như vậy: ‘Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết

1. Paṭṭi: A.3.64. Sarabha. Skt. Zarabha (Pichel). Biệt dịch, N0 100(204).

2. Xá-la-bộ 舍羅步. Paṭṭi: Sarabha, một tu sĩ ngoại đạo từng xuất gia theo Phật. Sau đó xả giới, trở về đạo cũ.

3. Tu-ma-kiệt-đà trì 須摩竭陀池. Paṭṭi: Cf. A.3.64: acirapakkanto hoti imasmaṃ dhamma-vinayaṃ ‘ừ bỏ Pháp luật này chưa bao lâu (xả giới hoàn tục).

hết. Sau khi đã biết hết rồi, ta buông bỏ hết không?’”

Lúc ấy, Xá-la-bộ im lặng không đáp.

Phật bảo Xá-la-bộ:

“Ông nay nên nói. Vì sao im lặng? Nếu sự hiểu biết của ông đầy đủ thì Ta sẽ tùy hỷ. Nếu sự hiểu biết của ông chưa đầy đủ, thì Ta sẽ giúp cho ông đầy đủ.”

Xá-la-bộ vẫn im lặng. Nói như vậy hai, ba lần, nhưng cả ba lần cũng vẫn giữ im lặng. Lúc ấy, Xá-la-bộ có một đệ tử phạm hạnh bạch Xá-la-bộ rằng:

“Thưa thầy, lý ra thầy nên đi đến Sa-môn Cù-đàm trình bày tri kiến của mình. Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đã tự đến đây, vì sao thầy không nói? Sa-môn Cù-đàm lại nói với thầy: ‘Nếu đầy đủ thì Ngài sẽ tùy hỷ. Nếu không đầy đủ Ngài sẽ giúp cho đầy đủ’. Vì sao thầy im lặng mà không nói?”

Khi người đệ tử phạm hạnh khuyển, ông vẫn làm thinh. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-la-bộ:

“Nếu có người nói: ‘Sa-môn Cù-đàm không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác’. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Khi được khéo can gián, khéo cật vấn, người kia sẽ nói lảng qua những việc khác; hoặc phẫn nộ, kiêu mạn, ôm hận, phẫn hận, chống đối, không chấp nhận, không có cách gì tỏ bày; hoặc im lặng xấu hổ cúi đầu, âm thầm tự nghĩ, tự xét; như Xá-la-bộ hôm nay.

Hoặc lại có người nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm không có⁴ Chánh pháp luật’. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như ông hôm nay.

“Hay lại có người nói: ‘Đệ tử⁵ nào của Sa-môn Cù-đàm không phải là bậc thiện hướng⁶’. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như ông hôm nay.”

Bấy giờ, Thế Tôn ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà rống lên tiếng rống sư tử, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Lúc ấy, đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ nói với Xá-la-bộ:

4. Bản Hán: *phi... vô...*, phủ định kép. Dư chữ *vô*, lược bỏ.

5. Bản Hán: Thanh văn “*đ*”.

6. Thiện hướng 善向, hay chánh hành, người đang hướng thẳng đến giải thoát.

“Giống như trâu bị cắt đi hai cái sừng, nhốt vào trong chuồng trâu trống, nó quỳ xuống đất rống to. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

“Giống như người con gái muốn nói giọng đàn ông, nhưng khi phát ra tiếng, thì liền là tiếng đàn bà. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

“Giống như con dã can muốn kêu tiếng chồn, như khi phát ra tiếng thì vẫn là tiếng dã can. Thầy cũng như vậy, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy ở giữa chúng đệ tử của mình muốn làm sư tử rống.”

Sau khi đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ ở trước Xá-la-bộ nói ra những lời trách cứ, hủy báng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.

M

KINH 97I. THƯỢNG TỌA⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà trong thành Vương xá, có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa⁸ đang ở cạnh hồ này, ông ở trong chúng của mình tự nói như vậy: “Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.”

Sáng sớm hôm ấy, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khát thực, nghe có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, vị này ở trong chúng của mình tự nói như vậy: “Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.” Các Tỳ-kheo khát thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm các Tỳ-kheo chúng con vào thành khát thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tự nói như vậy: ‘Tôi nói một

7. Paṭṭi không thấy tương đương. Skt. Parivraḥjakasthavira (Pichel). Biệt dịch, N^o100(205).

8. Danh Thượng Tọa 名上坐. Skt. Parivraḥjaka-Sthavira.

bài kệ, nếu ai đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.’ Xin Thế Tôn vì thương xót nên đích thân đến ông ấy.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài đến cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa từ xa trông thấy Thế Tôn, liền trái chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa, Thế Tôn ngồi xong, bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa rằng:

“Có thật ông đã nói những lời như vậy: ‘Tôi nói một bài kệ, nếu ai đáp được, thì tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh’ chẳng? Bây giờ ông hãy nói kệ, Ta có thể đáp lại.”

Lúc ấy, ngoại đạo kia chắt giường dây⁹ lên thành chỗ ngồi cao, tự mình lên đó ngồi và nói kệ:

*Tỳ-kheo sống đúng pháp,
Không khùng bố chúng sanh,
Ý lặng, hành xả ly,
Trì giới thuận đĩnh chỉ.*

Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ tâm ngoại đạo Thượng Tọa này, Ngài liền nói kệ:

*Nếu ông tự hành theo
Những gì kệ ông nói;
Đối với ông, Ta sẽ
Xem như người Hiền thiện.
Xét những gì ông nói,
Nói, làm không tương ứng.
Người giữ gìn tịnh giới:
Tĩnh lặng, tự điều phục;
Chớ khùng bố chúng sanh;
Ý tĩnh lặng, xa lìa.
Thuận điều phục, tĩnh lặng;
Tâm, miệng, thân lìa ác.
Khéo nhiếp nơi trụ xứ,
Không để cho phóng dật:
Đây gọi là tùy thuận,*

⁹. Hán: thăng sàng 繩床.

Điều phục và tĩnh lặng.

Khi ấy, xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Liền từ trên chỗ ngồi bước xuống, chấp tay bạch Phật:

“Nay con có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành pháp Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp luật không?”

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa:

“Nay ông có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp luật.”

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa đã xuất gia và trở thành Tỳ-kheo rồi, tự suy nghĩ về lý do khiến cho người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

M

KINH 972. TAM ĐẾ¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có nhiều tu sĩ Ba-la-môn ở cạnh ao Tu-ma-kiệt-đà, tập hợp lại một chỗ bàn luận như vậy: “Chân đế của Bà-la-môn như vậy¹¹. Chân đế của Ba-la-môn như vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của các xuất gia Bà-la-môn kia, Ngài đi đến bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Lúc ấy, các xuất gia Bà-la-môn từ xa trông thấy Đức Phật đang đến, liền vì Phật sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa. Phật ngồi vào chỗ ngồi xong, bảo các xuất gia Bà-la-môn:

“Các ông tụ tập ở bờ ao Tu-ma-kiệt-đà này, để bàn luận những gì?”

Xuất gia Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, các tu sĩ Bà-la-môn chúng tôi tập hợp nơi đây

¹⁰. Ba sự thực. Paḷi, A.4.185. Braṃmaḃa-sacca. Skt. Braḃmana-satyaḃni (Pichel). Biệt dịch, N⁰100(206), N⁰125(26.8).

¹¹. Paḷi: itipi bhaḃhmaḃasaccaḃni, đây là những chân lý của Bà-la-môn.

bàn luận như vậy: ‘Chân đế của Bà-la-môn như vậy. Chân đế của Bà-la-môn như vậy’.”

Phật bảo các xuất gia Bà-la-môn:

“Có ba chân đế của Bà-la-môn¹² mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, lại vì người diễn nói. Xuất gia Bà-la-môn các ông nói như vậy: ‘Không hại tất cả chúng sanh.’ Đó là chân đế của Bà-la-môn, chẳng phải hư dối. Họ nói với nhau rằng: ‘Ta hơn, rằng ta bằng, rằng ta kém¹³.’ Nếu đối với chân đế kia không bị trói buộc, đấm trước và đối với tất cả thế gian biểu hiện lòng từ, đó gọi là chân đế thứ nhất của Bà-la-môn, mà Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác và vì người diễn nói.

“Lại nữa, Bà-la-môn nói như vậy: ‘Những gì là pháp tập khởi¹⁴ đều là diệt pháp.’ Đó là chân đế, chẳng phải là hư vọng... *cho đến* đối với chân đế này chẳng chấp trước và đối với tất cả thế gian quán sát sanh diệt. Đó gọi là chân đế thứ hai của Bà-la-môn.

“Lại nữa, Bà-la-môn nói vậy: ‘Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì. Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì¹⁵.’ Đó là chân đế, chẳng phải hư vọng, như trước đã nói,... *cho đến* đối với chân đế kia không bị trói đấm và đối với tất cả thế gian vô ngã như nhau. Đó gọi là chân đế thứ ba của Bà-la-môn, Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác và vì người diễn nói.”

Bấy giờ các xuất gia Bà-la-môn đều ngồi yên im lặng. Thế Tôn

¹². Bản Pāḷi: cattaṃrimaṃni brahmadāsaṃni, đây là bốn chân lý của Bà-la-môn.

¹³. Bản Pāḷi: so tena na samaṃ ti maṃvāti,... na seyyham asmiṃ maṃvāti, na sadisoḥam asmiṃ maṃvāti... api ca yadeva tattha saccaṃ anuddayaṃya anukampaṃya paṇipanno hoti: vị ấy vì vậy không nghĩ rằng mình là Sa-môn... không nghĩ rằng ta hơn, ta bằng... Lại nữa do nhận thức chính xác chân lý ở đây mà vị ấy thực hành lòng thương yêu, thương xót đối với các chúng sanh.

¹⁴. Tập pháp 集法. Bản Pāḷi, gồm hai chân đế: sabbe kaṃmaṃ aniccaṃ... sabbe bhavaṃ aniccaṃ..., tất cả dục là vô thường... tất cả sự hữu là vô thường.

¹⁵. Hán: Vô ngã xứ sở cập sự đồ vô sở hữu 無我處所及事都無所有. Tham chiếu Pāḷi: naḥam kvacani kassaci kiṃcana tasmiṃ na ca mama kvacani katthaci kiṃcanatathī ti: “Ta không là ai, của bất cứ ai, là bất cứ cái gì. Trong đó, không có bất cứ ai, bất cứ ở đâu, bất cứ cái gì, là của ta”.

ngĩ rằng: “Hôm nay Ta soi sáng sự ngu si của họ, tiêu diệt điều ác của họ, nhưng hiện tại trong chúng này không có một người có khả năng tự suy xét, muốn tạo nhân duyên để ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh!”

Ngài đã biết như vậy rồi, nên từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 973. CHIÊN-ĐÀ¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy có xuất gia ngoại đạo tên là Chiên-đà¹⁷ đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi khích lệ nhau xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

“Vì lý do gì Tôn giả xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-đàm?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Vì muốn đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si, nên tôi xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-đàm.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Vị ấy có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Tôi cũng có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Ngài thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm, tai hại gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?”

A-nan đáp:

“Vì nhiễm trước tham dục, làm che mờ tâm nên hoặc tự hại mình, hoặc hại người, hoặc hại cả hai, hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại, đời sau cả hai đều mắc tội; tâm lúc nào cũng cảm thấy buồn khổ. Nếu bị sân nhuế che mờ, ngu si che mờ thì tự hại

¹⁶. Paḷi, A.3.71.Channa. Biệt dịch, N^o100(207).

¹⁷. Chiên-đà 梅陀. Paḷi: Channo. Bản Hán đọc là Caòño.

mình, hại người, mình người đều hại... *cho đến* lúc nào cũng có cảm giác buồn khổ.

“Lại nữa tham dục là sự mù quáng, là không có mắt, là không có trí, làm tuệ lực sút kém, làm chướng ngại, không phải là minh, chẳng phải Đăng giác, chẳng chuyển đến Niết-bàn. Đối với sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Tôi thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm tai hại như vậy nên nói phải đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Ngài thấy đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si có phước lợi gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?”

A-nan đáp:

“Đoạn tham dục rồi thì không tự hại, cũng không hại người, cũng không hại cả hai. Và lại hiện tại không mắc tội, đời sau không mắc tội; hiện tại, đời sau đều không mắc tội; tâm pháp lúc nào cũng cảm thấy vui vẻ, sung sướng. Đối với sân nhuế, ngu si cũng như vậy. Trong hiện tại thường xa lìa nhiệt não, không chờ thời tiết mà chứng đắc các hiện pháp khác, duyên tự thân mà giác tri¹⁸. Và vì những công đức lợi ích như vậy, nên nói cần đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Có đạo, có đạo tích nào, mà tu tập, tu tập nhiều thì có thể đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không?”

A-nan đáp:

“Có, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... *cho đến* chánh định.”

Ngoại đạo Chiên-đà thưa Tôn giả A-nan:

“Đây là đạo hiền thiện vậy thay! Là tích hiền thiện vậy thay! Nếu tu tập, tu tập nhiều thì sẽ có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Ngoại đạo Chiên-đà nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

¹⁸. Hán: bất đāi thời tiết, hūu đắc dư hiện pháp, duyên tự giác tri 𑖬𑖳 𑖭𑖪𑖫𑖱 𑖮𑖱𑖳𑖱 / 𑖮𑖱𑖳𑖱 𑖮𑖱𑖳𑖱 𑖮𑖱𑖳𑖱 𑖮𑖱𑖳𑖱 / 𑖮𑖱𑖳𑖱 𑖮𑖱𑖳𑖱. Văn dịch khác đó của định cú thường gặp nói về pháp; Pāḷi: akaliko ehipassiko opanaṅyiko paccataḥ veditabbo vióóuṣhī ti.

M

KINH 974. BỔ-LŨ-ĐỀ-CA (1)¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết nhiều pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui xong, Đức Phật im lặng. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đi.

Lúc ấy, có xuất gia ngoại đạo tên Bồ-lũ-đề-ca²⁰ trên đường đi lại, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Ngài từ đâu lại?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Này Hỏa chủng, tôi từ chỗ Thế Tôn, nghe Đại Sư nói pháp, dạy dỗ, rồi tới đây.”

Bồ-lũ-đề-ca hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đến nay vẫn còn chưa dứt sữa²¹, vẫn theo Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp chẳng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Này Hỏa chủng, tôi không dứt sữa, vẫn ở nơi Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp.”

Bồ-lũ-đề-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi đã dứt sữa từ lâu, xả bỏ những gì Thầy đã truyền dạy.”

Xá-lợi-phất nói:

“Pháp của ông là pháp luật được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

“Lại nữa, vị Thầy kia không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng dứt bỏ sữa, lia bỏ giáo pháp của Thầy. Ví như con bò sữa, cộc cần hung dữ, dịch sữa lại ít. Nghe con bú sữa xong vội

¹⁹. Biệt dịch, N^o100(208).

²⁰. Bồ-lũ-đề-ca 補縷低迦.

²¹. Hán: ly nhũ 離乳.

vã bỏ đi. Cũng vậy, pháp luật như vậy được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo Chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

“Lại nữa, vị Thầy ấy không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng lìa bỏ giáo pháp mà Thầy ông đã dạy. Pháp mà tôi có là Chánh pháp luật, là thiện giác, là xuất ly, là đạo chánh giác, chẳng hoại, đáng để khen ngợi, đáng để y chỉ.

“Lại nữa, Đại Sư của tôi là Bậc Đẳng Chánh Giác, cho nên từ lâu được uống dòng sữa của Ngài, được nghe Đại Sư dạy dỗ chánh pháp, ví như con bò sữa không cộc cằn hung dữ, lại có nhiều dịch sữa. Nghe con của nó uống sữa lâu mà không chán. Pháp của tôi cũng vậy, là Chánh pháp luật... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp.”

Khi ấy, Bồ-lũ-đê-ca nói với Xá-lợi-phất:

“Tôn giả chóng được thiện lợi nơi Chánh pháp luật... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp.”

Xuất gia ngoại đạo Bồ-lũ-đê-ca nghe những gì Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, lên đường mà đi.

M

KINH 975. BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (2)²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Bồ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, hôm trước có nhiều xuất gia ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn tập hợp ở giảng đường Vị tăng hữu²³ bàn luận như vậy: ‘Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như cái nhà trống, không thể ở giữa chỗ đông người kiến lập luận nghị: Điều này nên, điều này không nên; điều này

²². Biệt dịch, N^o100(209).

²³. Vị tăng hữu giảng đường 未曾有講堂.

hợp, điều này không hợp. Như con trâu mù đi cạnh bờ ruộng không vào trong ruộng. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, không có điều gì nên, không nên; không có điều gì hợp, không hợp.’”

Phật bảo Bồ-lũ-đê-ca:

“Sự bàn luận của các ngoại đạo này nói ‘nên hay không nên, hợp hay không hợp’, đối với Chánh pháp luật như trò đùa của trẻ con. Ví như người tám, chín mười tuổi; tóc bạc, răng rụng, làm trò đùa như trẻ con, dùng đất bùn nặn ra các thứ hình voi, ngựa. Mọi người đều nói: ‘Đây là bé con già tuổi’. Cũng vậy, này Hỏa chủng, các thứ luận thuyết cho rằng: ‘Nên không nên, hợp không hợp’ đối với Chánh pháp luật như trò đùa của trẻ con. Nhưng ở trong đó không có gì cho Tỳ-kheo cần nỗ lực cả.”

Bồ-lũ-đê-ca bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, ở nơi nào có điều mà Tỳ-kheo cần nỗ lực?”

Phật bảo ngoại đạo:

“Cái gì không thanh tịnh khiến cho thanh tịnh; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không điều phục khiến họ điều phục; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không định khiến cho họ được chánh định; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không giải thoát khiến họ được giải thoát; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không đoạn khiến cho đoạn, không biến tri khiến cho biến tri, không tu khiến cho tu, không đắc khiến cho đắc; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.

“Thế nào là không thanh tịnh khiến thanh tịnh? Giới không thanh tịnh khiến cho giới thanh tịnh. Thế nào là không điều phục khiến họ điều phục? Các căn mắt, các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý không điều phục khiến điều phục đầy đủ; đó gọi là không điều phục khiến họ điều phục. Thế nào là không định khiến họ được chánh định? Tâm không chánh định khiến cho được chánh định. Thế nào là không giải thoát khiến được giải thoát? Tâm không giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si khiến được giải thoát. Thế nào là không đoạn khiến đoạn? Vô minh, hữu ái không đoạn khiến đoạn. Thế nào là không biến tri khiến biến tri? Đối với danh sắc không biến tri khiến biến tri. Thế nào là không tu khiến cho tu? Đối với chỉ quán không tu khiến tu. Thế nào là không đắc khiến đắc? Đối Niết-bàn không đắc khiến đắc. Đây gọi là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.”

Bồ-lữ-đế-ca bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, ý nghĩa ấy là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Sự kiên cố này là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Đó chính là tận trừ các hữu lậu.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, xuất gia ngoại đạo Bồ-lữ-đê-ca hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 976. THI-BÀ (1)²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Thi-bà²⁵ đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào đón thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, thế nào là học? Gọi là học, vậy thế nào là học?”

Phật bảo Thi-bà:

“Học những gì nên học, nên gọi là học.”

Thi-bà bạch Phật:

“Học những gì?”

Phật bảo Thi-bà:

“Tùy thời học tăng thượng giới, học tăng thượng ý, học tăng thượng tuệ.”

Thi-bà bạch Phật:

“Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã tận, những việc làm đã xong, đã trút bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, tận trừ những kết sử của hữu, bằng chánh trí mà khéo giải thoát, bấy giờ lại còn phải học những gì nữa?”

Phật bảo Thi-bà:

“Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã tận... *cho đến* chánh trí khéo giải thoát, chính lúc này giác tri tham dục vĩnh viễn sạch hết không còn và giác tri sân nhuế, ngu si vĩnh viễn sạch hết không còn, nên không còn tạo lại các điều ác, lúc nào cũng thực hành các điều

²⁴. Paoli, xem cht. 26, kinh 977 dưới. Biệt dịch, N^o100(210).

²⁵. Thi-bà 尸婆. Xem cht.27, kinh 977 dưới.

lành. Thi-bà, đó gọi là học những gì nên học.”

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thi-bà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 977. THI-BÀ (2)²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Thi-bà²⁷ đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, có một số xuất gia Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả những gì được giác tri bởi con người, tất cả những thứ ấy đều là nhân đã được tạo tác từ trước²⁸. Tu các khổ hạnh khiến cho các nghiệp quá khứ sạch hết, không còn tạo ra nghiệp mới, đoạn các nhân duyên, không còn các lậu trong đời vị lai. Vì các lậu đã hết nên nghiệp hết. Vì nghiệp hết nên hết khổ. Khổ hết nên rốt ráo biên tế của khổ.’ Nay chủ trương của Cù-đàm là như thế nào?”

Phật bảo Thi-bà:

“Sa-môn, Bà-la-môn kia thật sự nói một cách mơ hồ, không suy xét, không cân nhắc, ngu si, không khéo léo, không biện biệt. Vì sao? Hoặc khổ khởi lên do gió mà chúng sanh giác tri, hoặc khởi do đờm, hoặc khởi từ nước dãi, hoặc khởi từ đẳng phần²⁹, hoặc do tự hại, hoặc do kẻ khác hại, hoặc do thời tiết khí hậu. Người tự hại kia, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc thường đứng gơ tay, hoặc ngồi xỏm trên đất, hoặc nằm giữa tro đất, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trên ván, hoặc nằm trên đất trét phân trâu, hoặc nằm

²⁶. Pāṇi, S.36.21. Sivako. Biệt dịch, N^o100(211).

²⁷. Thi-bà ngoại đạo 尸婆 尸婆. Pāṇi: Moḍiya Sivaka paribbaḥjaka, tu sĩ bện tóc Sivaka.

²⁸. Pāṇi: yaḥ kiṅcaṃyaḥ purisapuggalo paṅsaṃvedeti sukhaḥ vaḥ dukkhaḥ vaḥ adukkham-asukhaḥ vaḥ sabbaḥ taḥ pubbekatahetuḥ ‘ti: Bất cứ lạc thọ gì, khổ thọ gì, hay phi khổ phi lạc thọ gì, mà con người cảm thọ, tất cả đều là nhân được tạo tác từ trước.

²⁹. Đẳng phần khởi, khởi lên do các yếu tố kể trên hợp lại.

trong nước, hoặc một ngày tắm rửa ba lần, hoặc đứng một chân, thân xoay chuyển theo mặt trời. Họ siêng năng thực hành mọi thứ khổ như vậy. Đây Thi-bà, đó gọi là tự hại. Còn khổ do hay kẻ khác hại là, hoặc bị người khác dùng tay, đá, dao, gậy, các thứ hại thân. Đó gọi là kẻ khác làm hại.

“Đây Thi-bà, hoặc bị thời tiết làm hại, như mùa Đông thì thật lạnh, mùa Xuân thì thật nóng, mùa Hạ vừa nóng vừa lạnh. Đó là bị thời tiết hại. Những điều này thật có ở thế gian, chẳng phải hư vọng. Đây Thi-bà, thế gian có những thực tế này như bị gió làm hại... *cho đến* bị thời tiết, khí hậu làm hại. Chúng sanh kia giác tri như thật. Ông cũng tự có những tai họa này: gió, đờm, nước dãi, thời tiết làm hại,... *cho đến* biết thời tiết làm hại như vậy, được giác tri như thật như vậy.

“Đây Thi-bà, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng: tất cả những gì người ta tri giác được đều là nhân đã được tạo từ trước, thì đó là bỏ việc thực tế ở thế gian mà nói theo sự nhận thấy hư vọng của chính mình.

“Đây Thi-bà, có năm nhân năm duyên sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân bởi tham dục triền phược, duyên bởi tham dục triền phược mà sanh tâm pháp ưu khổ. Nhân bởi sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi triền phược; duyên bởi sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi triền phược sanh tâm pháp ưu khổ. Đây Thi-bà, đó là năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ?

“Đây Thi-bà, có năm nhân, năm duyên không sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc sanh tâm ưu khổ, lìa tham dục trói buộc, thì không khởi tâm ưu khổ. Đây gọi là năm nhân, năm duyên không khởi tâm ưu khổ, ngay hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt những gì được thấy, duyên nơi chính mình mà giác tri.

“Đây Thi-bà, lại có pháp hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, đó là tám Thánh đạo, chánh kiến... *cho đến* chánh định.”

Lúc nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Thi-bà xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Thi-bà thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, lìa hồ nghi, không do người khác, vào trong Chánh pháp luật, đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con có thể xuất gia, thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật chăng?”

Phật bảo Thi-bà:

“Nay người được xuất gia...” *Nói như trên,... cho đến tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.*

M

KINH 978. THƯƠNG CHỦ³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la³¹ tại thôn Na-la. Bấy giờ tại thôn Na-la có Thương chủ³² xuất gia ngoại đạo, đã một trăm hai mươi tuổi, các căn suy yếu, được các Trưởng giả, Bà-la-môn, Cư sĩ thôn Na-la tôn trọng, cúng dường như bậc A-la-hán.

Thương chủ xuất gia ngoại đạo kia trước đây có một người thân, mệnh chung sanh về cõi trời. Ông ở cõi trời kia nhìn thấy Thương chủ xuất gia ngoại đạo, nghĩ rằng: “Ta muốn đến bảo Thương chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Thế Tôn, tu hành phạm hạnh. Sợ ông ta không nghe theo lời ta. Nay ta nên đến đó, bằng ý luận³³ khiến cho hỏi.”

Sau đó liền hiện thân xuống thôn Na-la, đến chỗ Thương chủ xuất gia ngoại đạo kia và nói kệ rằng:

*Sao là ác tri thức,
Hiện tướng thiện tri thức?
Sao là thiện tri thức,
Đồng một thể như mình?
Vì sao cầu đoạn dứt?
Làm sao là thiêu đốt?*

“Này Tiên nhân, nếu ông đem ý luận này hỏi những người kia, ai có thể giải rõ, nói nghĩa kia và đáp được cho ông thì có thể theo người ấy xuất gia tu phạm hạnh.”

³⁰. Biệt dịch, N⁰100(212).

³¹. Na-la tụ lạc Hảo y Yêm-la viên 那羅聚落好衣菴羅園.

³². Thương chủ 商主. N⁰100(212): Na-lị-bà-lực 那利婆力. Paḷi: Naḷlivaḷika?

³³. Ý luận 意論. N⁰100(212): tâm trung mặc niệm 心中默念.

Thương chủ xuất gia ngoại đạo nhận những lời mách bảo của vị Thiên nọ, đến chỗ Phú-la-na Ca-diếp đem ý của bài kệ này hỏi Phú-lan-na Ca-diếp. Phú-lan-na Ca-diếp còn không thể hiểu được hướng chi là có thể đáp lại.

Sau đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Mạt-ca-lê-cù-xá-lợi Tử, San-xà-gia-tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá-khâm-ba-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-càn-đà Nhã-đề Tử, đều đem ý của bài kệ này để hỏi, tất cả đều không thể đáp.

Khi đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo nghĩ rằng: “Ta đem ý luận bài kệ này hỏi các bậc Thầy xuất gia, tất cả đều không đáp được. Nay ta lại muốn cầu xuất gia, hiện tại ta tự có tiền của, chẳng bằng trở về nhà hưởng thụ ngũ dục.” Lại suy nghĩ: “Nay ta hãy đến Sa-môn Cù-đàm. Nhưng các vị Thầy Sa-môn, Bà-la-môn kỳ cựu như Phú-la-na Ca-diếp v.v... đều không thể đáp, mà Sa-môn Cù-đàm xuất gia tuổi trẻ, sao có thể thấu tỏ được. Nhưng ta nghe bậc tiên túc nói: ‘Chớ khinh người xuất gia tuổi trẻ mới học. Hoặc có Sa-môn xuất gia tuổi trẻ oai đức lớn.’ Hôm nay ta sẽ đến Sa-môn Cù-đàm, đem ý luận tâm niệm này để hỏi.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm niệm của Thương chủ kia, liền nói kệ:

*Sao là ác tri thức,
Hiện tướng là thiện hữu?
Trong tâm thật xấu, tởm,
Miệng nói tôi đồng tâm,
Việc làm không vui chung,
Biết không phải thiện hữu.
Miệng nói lời yêu mến,
Tâm chẳng thật tương ưng,
Việc làm cũng không đồng,
Bậc tuệ nên giác tri,
Đây là ác tri thức.
Cùng ta đồng một thể,
Sao là thiện tri thức?
Cùng ta đồng một thể,*

*Chẳng phải thiện hữu kia:
Buông lung không chế ngự,
Bại hoại, ôm nghi hoặc.
Suy xét tìm manh mối,
An nơi thiện tri thức,
Như con trong lòng cha,
Không phải kẻ bên ngoài:
Đó là thiện tri thức.
Vì sao cầu đoạn tận?
Sanh vào nơi hoan hỷ,
Trong mát, đáng khen ngợi,
Tu tập quả phước lợi,
Trọn tinh lặng, mát mẻ,
Cho nên cầu đoạn tận.
Thế nào là thiêu đốt?
Vị tịch tĩnh vắng lặng,
Biết vị viễn ly kia,
Viễn ly ác thiêu đốt,
Ném được vị pháp hỷ,
Tịch diệt lửa lửa dục,
Đó gọi là thiêu đốt.*

Bấy giờ, Thương chủ xuất gia ngoại đạo tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta.” Liền bạch Phật:

“Nay con có được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật của Sa-môn Cù-đàm chăng?”

Phật bảo Thương chủ xuất gia ngoại đạo:

“Nay ông có thể được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật.”

Sau khi được xuất gia như vậy rồi ông tư duy... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc quả A-la-hán.

KINH 979. TU-BẠT-ĐÀ-LA³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng Sa-la song thọ, sanh địa của dòng họ Lực sĩ, nước Câu-di-na-kiệt³⁵. Bấy giờ Thế Tôn sắp Niết-bàn, Ngài bảo Tôn giả A-nan:

“Hãy treo giường dây giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về Bắc. Trong đêm nay Như Lai sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn, mà nhập Bát-niết-bàn.”

Khi ấy Tôn giả A-nan vâng lời dạy, treo giường dây giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về Bắc, rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã treo giường dây giữa hai cây song thọ, đầu hướng về Bắc.”

Bấy giờ, Thế Tôn đến nằm trên giường dây giữa hai cây, đầu quay về hướng Bắc, nghiêng bên hông phải, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào ánh sáng, chánh niệm, chánh trí.

Lúc ấy, trong nước Câu-di-na-kiệt có xuất gia ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la³⁶, tuổi thọ một trăm hai mươi, tuổi già, căn yếu, được người nước Câu-di-na-kiệt cung kính cúng dường như A-la-hán. Xuất gia Tu-bạt-đà-la kia nghe Thế Tôn đêm nay sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, nhưng ông nghĩ: ‘Ta có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ³⁷. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khai ngộ cho ta. Hôm nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thưa hỏi điều hoài nghi của mình’. Ông liền ra khỏi Câu-di-na-kiệt, đi đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc đó Tôn giả A-nan đang đi kinh hành ngoài

³⁴. Cf. D.16 Mahaṣparinibbāṇa-suttanta (Ro ii. 149ff: Subhaddaparibbaṅjakavatthu). Biệt dịch, N^o100 (213), N^o100 (110).

³⁵. Câu-di-na-kiệt quốc Lực sĩ sanh xứ Kiên cố song thọ lâm 俱夷那竭國力士生處堅固雙樹林. Paḥli: Kusinaṛaṇṇ upavattanaṇṇa Mallaṇṇaṇṇa saḥlavanaṇṇa.

³⁶. Tu-bạt-đà-la 須跋陀羅. Paḥli: Subhadda.

³⁷. Hy vọng nhi trụ 希望而住; đoạn dưới: tín tâm nhi trụ 信心而住. Tham chiếu Paḥli: evaṇṇa pasanno ahaṇṇa samaṇṇa gotame: Tōi có niềm tin như vậy nơi Sa-môn Gotama.

cổng vườn. Tu-bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan:

“Tôi nghe nói đêm nay Sa-môn Cù-đàm sẽ nhập Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, tôi có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khiến cho tôi giác ngộ. Nếu như A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi đến thưa lại với Cù-đàm, xin dành chút ít thì giờ rảnh để giải đáp cho những thắc mắc của tôi.”

A-nan đáp:

“Thế Tôn đang rất mệt mỏi như vậy, chớ nên làm nhọc Thế Tôn!”

Qua ba lần Tu-bạt-đà-la nài nỉ Tôn giả A-nan, Tôn giả A-nan cũng ba lần từ chối. Tu-bạt-đà-la nói:

“Tôi nghe các bậc xuất gia lão túc Đại sư thuở xưa nói rằng, lâu lắm mới có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian này như hoa Ưu-đàm-bát, nhưng hiện tại trong đêm nay Như Lai sẽ vào cõi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Đối với pháp, hôm nay tôi có chút nghi, an trụ với tín tâm, vì Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể làm cho tôi giác ngộ. Nếu A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi mà thưa với Sa-môn Cù-đàm.”

A-nan lại đáp:

“Này Tu-bạt-đà-la, hôm nay Thế Tôn quá mệt mỏi, chớ nên làm nhọc Thế Tôn.”

Bấy giờ, Thế Tôn nhờ thiên nhĩ nghe những lời qua lại giữa A-nan và Tu-bạt-đà-la, liền bảo Tôn giả A-nan:

“Đừng ngăn xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la. Hãy để cho vào hỏi những điều nghi của ông ấy. Vì sao? Vì đây là lần cuối cùng luận nghị với xuất gia ngoại đạo và đây là vị thiện lai Tỳ-kheo Thanh văn chứng đắc sau cùng. Đó là Tu-bạt-đà-la.”

Bấy giờ Tu-bạt-đà-la nghe Thế Tôn vì ông khai mở căn lành, thì vui mừng vô hạn, đến chỗ Thế Tôn cùng Thế Tôn chào đón, thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, phạm nhập xứ của thế gian, tức là sáu vị Tông sư như Phú-lan-na Ca-diếp, v.v..., mỗi người tự lập tông như vậy: ‘Đây là Sa-môn! Đây là Sa-môn!’ Thế nào, thưa Cù-đàm, có

đúng là mỗi một phái đều có tông này chăng³⁸?”

Bấy giờ Thế Tôn liền vì Tu-bạt-đa-la nói kệ:

*Từ hai mươi chín tuổi,
Xuất gia tu thiện đạo;
Thành đạo tới ngày nay,
Trải qua năm mươi năm.
Tam-muội, minh, hạnh đủ,
Thường tu tập tịnh giới:
Lìa chút đạo phần này,
Ngoài đây không Sa-môn.*

Phật bảo Tu-bạt-đa-la:

“Ở trong Chánh pháp luật, ai không được tám Chánh đạo, thì cũng không được sơ quả Sa-môn, cũng không được đệ nhị, đệ tam, đệ tứ quả Sa-môn. Nay Tu-bạt-đa-la, ở trong Chánh pháp luật này, ai được tám Chánh đạo thì được Sơ quả Sa-môn, được đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ quả Sa-môn. Ngoài đây ra, ngoại đạo không có Sa-môn. Ở đây các ông ngoại đạo kia, chỉ Sa-môn, Bà-la-môn suông mà thôi. Cho nên nay Ta ở trong chúng, rống lên tiếng rống sư tử.”

Khi Phật nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đa-la lìa xa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Khi ấy Tu-bạt-đa-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua các hồ nghi, được tín tâm không do người khác, không nhờ người độ, trong Chánh pháp luật đắc vô sở úy. Từ chỗ ngồi đứng lên, ông sửa lại y phục, gối phải sát đất, bạch Tôn giả A-nan:

“Tôn giả được thiện lợi, Tôn giả có được Đại Sư, được làm đệ tử Đại Sư, được mưa pháp của Đại Sư rưới lên đỉnh đầu. Ngày nay nếu tôi được xuất gia thọ giới cụ túc làm Tỷ-kheo ở trong Chánh pháp luật, thì cũng sẽ được lợi ích như vậy.”

38. Câu hỏi trong bản Pāḷi: yeme bho gotama samaḥa-brahmaḥa... seyyathidaḥ puṛaḥo kassapo,..., sabbete sakaḥya paḥiḥāḥya abbhaḥiḥsu sabbeva na abbhaḥiḥsu, udaḥhu ekacce abbhaḥiḥsu ekacce na sabbhaḥiḥsu: phạm những Sa-môn, Bà-la-môn, như Phú-lan-na Ca-diếp,... Tất cả họ tự mình thừa nhận đã chứng ngộ, hay tất cả không chứng ngộ, hay một số chứng ngộ, một số không chứng ngộ?

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nay cầu xin xuất gia thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tu-bạt-đà-la:

“Tỳ-kheo này, hãy đến đây tu hành phạm hạnh.”

Ngay lúc ấy Tôn giả Tu-bạt-đà-la liền được xuất gia thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Từ đó tư duy như vậy... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán. Khi Tôn giả Tu-bạt-đà-la đắc A-la-hán, được an lạc giải thoát, đã giác tri, tự nghĩ: “Ta không nỡ nhìn Phật Bát-niết-bàn, ta sẽ Bát-niết-bàn trước.” Lúc này, Tôn giả Tu-bạt-đà-la Bát-niết-bàn trước, sau đó Thế Tôn mới Bát-niết-bàn.

M

KINH 980. NIỆM TAM BẢO³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu.

Bấy giờ nước Tỳ-xá-ly có nhiều khách buôn đến nước Đát-sát-thi-la⁴⁰, phương tiện trang nghiêm⁴¹. Các khách buôn nghe Thế Tôn đang du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xá-ly, đang trú ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu. Nghe xong, họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật vì những khách buôn nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài ngồi im lặng. Các khách buôn từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con là những khách buôn, phương tiện trang nghiêm, muốn đi đến nước Đát-sát-thi-la. Kính xin Thế Tôn

³⁹. Ấn Thuận, “48. Tương ưng Tạng” thuộc Tạng 7. Như Lai sở thuyết, gồm các kinh, Đại Chánh quyển 35, nửa cuối, kinh 980-992, quyển 47, phần đầu, kinh 1241-1245.

⁴⁰. Đát-sát-thi-la 怛剌尸羅. Pāḷi: Takkasilaḷ, trung tâm thương mại và giáo dục được nhắc nhiều trong các Jataka, nhưng không hề được nói đến trong các kinh Pāḷi.

⁴¹. Phương tiện trang nghiêm 方便莊嚴; chưa rõ nghĩa.

cùng đại chúng sáng mai nhận sự cúng dường của chúng con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Các khách buôn biết Thế Tôn đã nhận lời cầu thỉnh, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật. Mỗi người trở về nhà mình sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống thơm ngon tinh khiết, xếp đặt giường ghế, an trí nước sạch. Sáng sớm cho người đến bạch Phật đã đến giờ. Bấy giờ, Thế Tôn cùng với đại chúng đáp y, ôm bát đến chỗ các khách buôn, ngồi trên chỗ ngồi đã dọn. Các khách buôn đem đồ ăn thức uống thơm ngon, thanh khiết tự tay cúng dường. Ăn xong, rửa bát rồi, các khách buôn đặt những cái ghế nhỏ thấp ngồi trước đại chúng nghe Phật thuyết pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các khách buôn:

“Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: ‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... cho đến Phật, Thế Tôn.’ Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ. Lại niệm pháp sự, ‘Chánh pháp luật của Phật, được thấy trong hiện tại⁴², có thể xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, được thấu suốt, được thân cận⁴³, duyên vào tự mình mà giác tri⁴⁴.’ Lại niệm Tăng sự, ‘đệ tử của Thế Tôn thiện hướng, chánh hướng... cho đến là ruộng phước của thế gian.’ Niệm như vậy, thì mọi sự khủng bố đều được tiêu trừ.

“Thời quá khứ, Trời và A-tu-la đánh nhau, lúc ấy Thiên đế Thích bảo các chúng trời:

“Trong khi các người cùng chiến đấu với bọn A-tu-la, nếu ai sanh sợ hãi hãy niệm đến ngọn cờ của ta gọi là ngọn cờ Chiến thắng⁴⁵. Khi niệm đến ngọn cờ này thì khủng bố liền tan, nếu ai không niệm đến ngọn cờ của ta, thì nên niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xá-na⁴⁶,

⁴². Nguyên Hán: hiện pháp 現法. Huyền Trang: hiện kiến 現見. Pāḷi: ehipassiko, pháp đến để thấy.

⁴³. Hán: thông đạt thân cận 通達親近. Huyền Trang: dẫn đạo cận quán 導道親近. Pháp có khả năng hướng dẫn, được quán sát trực tiếp.

⁴⁴. Hán: duyên tự giác tri 緣自覺知. Huyền Trang: trí giả nội chứng 智假內證, được chứng ngộ nội tâm bởi bậc trí.

⁴⁵. Hán: Tồi phục tràng 摧伏幢. Xem kinh 981.

⁴⁶. Y-xá-na Thiên tử tràng 伊舍那天子幢. Xem kinh 981. Tham chiếu, S.11.3: Pajāpatissa devaraṃjassa dhajaggaḥ: chóp ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati

nếu không niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xa-na thì nên niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Bà-lưu-na⁴⁷, lúc niệm đến ngọn cờ ấy, khủng bố liền tiêu trừ.

“Cũng vậy, các khách buôn, các ông ở nơi hoang vắng, bị khủng bố, thì nên niệm Như Lai sự, niệm Pháp sự, niệm Tăng sự.”

Thế Tôn vì các khách buôn Tỳ-xá-ly nói kệ tùy hỷ cúng dường:

*Cúng dường Tăng Tỳ-kheo,
Đồ ăn uống tùy thời;
Chuyên niệm chánh tư duy,
Chánh tri mà hành xả.
Tịnh vật, ruộng phước tốt,
Các ông đều đầy đủ.
Duyên công đức lợi này,
Lâu dài được an vui.
Khởi tâm mong cầu gì,
Các lợi đều ứng ngay.
Người vật thấy an ổn,
Đường sá qua lại tốt;
Đêm ngày đều an ổn,
Xa lìa mọi điều ác.
Như ruộng đất màu mỡ,
Thuần chủng hạt giống tốt;
Thường vun tưới thấm nhuần,
Thu hoạch không thể kể.
Tịnh giới ruộng phước tốt,
Chủng tử thật tốt lành;
Cùng tùy thuận chánh hạnh,
Trọn thành tựu diệu quả.
Cho nên người bố thí,
Muốn cầu đủ công đức;
Phải hành theo trí tuệ,*

(Sanh Chủ).

⁴⁷. Bà-lưu-na Thiên tử tràng 婆留那天子幢 . Xem kinh 981. Tham chiếu, S.11.3: Varuðassa devaraḷjassa dhajaggaḷ: chóp ngọn cờ của Thiên vương Varuò.

*Tự nhiên đủ các quả,
 Đối Bạc Minh Hạnh Túc,
 Chánh tâm tận cung kính;
 Vun trồng các gốc lành,
 Trọn được phước lợi lớn.
 Biết thế gian như thật,
 Chánh kiến được đầy đủ;
 Chánh đạo thấy vẹn toàn,
 Hoàn toàn mà tiến lên;
 Xa lìa mọi trần cấu,
 Chóng đắc đạo Niết-bàn.
 Cứu cánh được thoát khổ,
 Gọi là đủ công đức.*

Sau khi Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly thuyết pháp, chỉ dạy soi sáng, làm cho an vui rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 981. CÂY PHƯỚC⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, trong nhà trống, đôi khi bỗng khởi lên lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng lên, thì nên niệm Phật, Pháp, Tăng, nói rộng như trước. Khi niệm đến Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự thì mọi sợ hãi tự tiêu trừ.

“Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ Thích Đề-hoàn Nhân cùng đánh nhau với A-tu-la. Lúc ấy Đế Thích nói với các vị Tam thập tam thiên rằng: ‘Này các Nhân giả, khi chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, nếu có ai sanh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, thì các vị nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ta⁴⁹. Khi niệm đến ngọn cờ này, thì mọi sợ hãi đều tiêu trừ.’ Cũng vậy, Tỳ-kheo nếu ở

⁴⁸. Paḷi, S.11.3. Dhajagga. Cf. N^o125(24.1).

⁴⁹. Phục địch chi tràng 伏敵之幢. Kinh 980: tôi phục tràng 摧伏幢. Paḷi: dhajaggaḷlokeyyaṃtha, các ông hãy nhìn lên đỉnh ngọn phướn.

nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hoặc ở trong nhà trống mà sanh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, thì nên niệm Như Lai là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... cho đến Phật, Thế Tôn. Đương lúc niệm Phật, thì sự sợ hãi liền tiêu trừ. Vì sao? Vì Thiên đế Thích này còn giữ lòng tham, sân, si, đối với sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, không được giải thoát, kinh hoàng sợ hãi bỏ chạy, mà còn dấn lại chư Thiên Tam thập tam nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ông ấy. Huống chi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã lia tham, sân, si, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, không có điều sợ hãi, trốn tránh, mà không có thể khiến cho người niệm đến Như Lai trừ hết mọi sợ hãi?”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 982. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (1)⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng An-xà-na⁵¹ tại nước Sa-chỉ⁵². Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đối với pháp, Ta có thể lược nói và nói rộng, nhưng người hiểu thì khó.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Xin Thế Tôn nói pháp, hoặc lược nói, hoặc rộng nói. Thật sự có người hiểu pháp.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Nếu có chúng sanh nào ở nơi thức thân của mình và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có⁵³ ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc⁵⁴, cho đến ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng,

⁵⁰. Paḷi, A. 3.32.2. Saḥriputta.

⁵¹. An-xà-na 安闍那. Paḷi: Aójana-vana, khu rừng nai ở Saḥketa.

⁵². Sa-chỉ quốc 娑柁國. Paḷi: Saḥketa.

⁵³. Bản Paḷi: na bhavissanti, (vị lai) sẽ không tồn tại.

⁵⁴. Tham chiếu Paḷi: imasmíoca savióáaøòake kaøye ahaikaøramamaíkaøramaønaøusayaø na bhavissanti, trong thân có thức này sẽ

thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; vị ấy do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài sẽ không có ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát⁵⁵.

“Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo kia, ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có⁵⁶ kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc và ngay trong hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thanh tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

“Này Xá-lợi-phất, nếu lại có Tỳ-kheo ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cùng hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy, do ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

“Xá-lợi-phất, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ⁵⁷.

“Xá-lợi-phất, đối với điều này Ta có nói thêm khi giải đáp

không tồn tại các tùy miên (bản Hán: sử) tác thành ý niệm về ta và của ta.

⁵⁵. Đoạn văn Hán này hơi tối nghĩa. Tham khảo Pāḷi: yaóca cetovimuttiö paóóáøvimuttiö upasampajja viharato ahaikaøramamaökaøramaønaønusayaø na honti, taóca cetovimuttiö paóóáøvimuttiö upasampajja viharati, (Tỳ-kheo) do chứng đắc và an trụ tâm giải thoát tuệ giải thoát nào mà ở đó các tùy miên của phức cảm tác thành ý niệm về ta và của ta không tồn tại, thì (Tỳ-kheo ấy) chứng và an trụ tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

⁵⁶. Pāḷi: na honti, (hiện tại) không tồn tại.

⁵⁷. Tham chiếu Pāḷi: acchecchi taòhaö vivattayi samyojanaö sammaø maønaøbhisamayaø antam akaøsi dukkhassa, vị ấy đã cắt đứt khát ái, bứt bỏ kết sử, chân chánh hiện quán các mạn, đã tận cùng biên tế của khổ.

câu hỏi của Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca⁵⁸.

*Thế gian, xét sai biệt,
Bất động mọi hoàn cảnh⁵⁹;
Ai tịch tĩnh, sạch bụi,
Bứt rễ, không hy vọng⁶⁰;
Vượt qua biển ba hữu,
Không còn lo già chết⁶¹.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ Tỳ hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

M

KINH 983. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (2)⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, một mình ở chỗ vắng tư duy như vậy: “Nếu có người suy nghĩ như vậy: ‘Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử ràng buộc. Và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’”

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới

⁵⁸. Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca sở vấn 波羅延富鄰尼迦所問. Paḍi: paṛaṇyane puḍākaṇāhe. Cf. Sn.5.4. Puḍākaṇāḍava-pucchaḍ.

⁵⁹. Paḍi: saikhaṇya lokasmiḍ paroparaṇni, yassijitaḍ metthi kuhici loke, tư duy trong đời những gì là cao hay thấp; những ai không dao động trong mọi hoàn cảnh. Saikhaṇya (tư duy, tư trạch), bản Hán hiểu là Số.

⁶⁰. Vô hy vọng 無希望, bản Thánh: vô minh. Paḍi: niraṇso.

⁶¹. Kệ Paḍi, Sn. 1048.

⁶². Paḍi, A. 3.32. AḶnanda-Saṛiputta.

chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, một mình ở chỗ vắng con tư duy như vậy: Nếu có người nói như vậy: ‘Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, ..., cho đến, tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’”

Phật dạy Tôn giả A-nan:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu có người suy nghĩ như vậy: ‘Ta ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc. Và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy’. A-nan, Tỳ-kheo đó ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở nơi thức thân này và tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’

“Này A-nan, nếu lại có Tỳ-kheo nào đối với thức thân này và tất cả tướng cảnh giới bên ngoài... *cho đến* tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ.

“Này A-nan, ở đây Ta còn nói thêm khi đáp lại câu hỏi của Ba-la-diên Ưu-đà-da⁶³.

*Đoạn tận tướng ái dục,
Ưu khổ cũng đều lia;
Tĩnh giác đối ngũ nghĩ,
Diệt trừ trạo hối cái.*

⁶³. Ba-la-diên Ưu-đà-da sở vấn 波羅延憂陀耶所問. Paṭi: Sn. 5.14. Udaḃyamaṇava-pucchaḃ.

*Xả tham, nhuế, thanh tịnh,
Hiện tiền quán sát pháp;
Ta nói trí giải thoát,
Diệt trừ màn vô minh⁶⁴.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 984. ÁI (1)⁶⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói ái là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen⁶⁶. Những thứ này thường làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắt, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.

“Này các Tỳ-kheo, tại sao ái là lưới, là chất keo... *cho đến* lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng? Nghĩa là có ngã: ta tồn tại, ta ước muốn⁶⁷, ta như vậy, có ta⁶⁸, không ta⁶⁹, khác ta, ta sẽ tồn tại, ta sẽ không tồn tại, ta sẽ ước muốn, ta sẽ như vậy, ta sẽ khác khác, mong ta ước muốn (*tồn tại nơi đây*), mong ta như vậy, mong ta khác, mong ta đúng như vậy, mong ta muốn như vậy, mong ta khác.

⁶⁴. Kệ Paøli, Sn. 1106-1107.

⁶⁵. Paøli, A. 4.199. Taøhaø.

⁶⁶. Paøli: jaøliniø saøsaritaø visataø visattikaø: cái lưới được di chuyển, được bủa rộng, làm dính chặt.

⁶⁷. Dục ngã 欲我 ; có lẽ bản Hán đọc nhầm itthasmi: tôi hiện hữu ở đây, thành icchasmi: tôi muốn.

⁶⁸. Hữu ngã 有我 . Bản Hán đọc sata 'smi (*tôi thường hằng*) thành sati 'smi (*tôi đang hiện hữu*).

⁶⁹. Vô ngã. Bản Hán đọc asata'smi (*tôi không thường hằng*) thành asati'smi (*tôi không đang hiện hữu*).

Mười tám ái hành⁷⁰ như vậy, phát khởi từ bên trong.

“Tỳ-kheo nói rằng ta tồn tại nơi những gì đang có, rằng ta muốn, ta như vậy⁷¹... *cho đến* mười tám ái hành, khởi lên từ bên ngoài. Tổng cộng với mười tám ái hành kia như vậy, tất cả là ba mươi sáu ái hành. Hoặc nói quá khứ khởi, hoặc vị lai, hoặc hiện tại khởi lên như vậy cộng lại là một trăm lẻ tám ái hành. Cho nên gọi đó là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen hay làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

⁷⁰. Thập bát ái hành: hữu ngã, dục ngã, nhĩ ngã, hữu ngã, vô ngã, dị ngã, đương ngã, bất đương ngã, dục ngã, đương nhĩ thời, đương dị dị ngã, hoặc dục ngã, hoặc nhĩ ngã, hoặc dị, hoặc nhiên, hoặc dục nhiên, hoặc nhĩ nhiên, hoặc dị. 十八愛行: 有我, 欲我, 爾我, 有我, 無我, 異我, 當我, 不當我, 欲我, 當爾時, 當異異我, 或欲我, 或爾我, 或異, 或然, 或欲然, 或欲然, 或爾然, 或異. So sánh Paøli: *atthaørasa taøhaø-vicaritaøni*: 1. *asmiti sati*, 2. *itthasmi ti hoti*, 3. *evasmiti hoti*, 4. *aóthasmiti hoti*, 5. *asatasmiti hoti*, 6. *satasmiti hoti*, 7. *santi hoti*, 8. *itthaø santi hoti*, 9. *evaø santi hoti*, 10. *aóathaø santi hoti*, 11. *api ha santi hoti*, 12. *api itthaø santi hoti*, 13. *api evaø santi hoti*, 14. *api aóathaø santi hoti*, 15. *bhivissanti hoti*, 16. *itthaø bhavissanti hoti*, 17. *evaø bhavissanti hoti*, 18. *aóathaø bhavissanti hoti*: 1. tôi hiện hữu, 2. tôi hiện hữu ở đây, 3. tôi hiện hữu như vậy, 4. tôi hiện hữu khác vậy, 5. tôi không thường hằng, 6. tôi thường hằng, 7. tôi đang tồn tại, 8. tôi đang tồn tại ở đây, 9. tôi đang tồn tại như vậy, 10. tôi đang tồn tại khác như vậy, 11. ước gì tôi đang tồn tại, 12. ước gì tôi đang tồn tại ở đây, 13. ước gì tôi đang tồn tại như vậy, 14. ước gì tôi đang tồn tại như thế khác, 15. tôi sẽ hiện hữu, 16. tôi sẽ hiện hữu ở đây, 17. tôi sẽ hiện hữu như vậy, 18. tôi sẽ hiện hữu như thế khác.

⁷¹. Paøli: *iminaøsmi ti sati*, *iminaø itthasmi ti hoti*, *iminaø evaøsmi ti hoti*: với những cái này tôi hiện hữu; với những cái này tôi tồn tại ở đây; với những cái này tôi như vậy...

KINH 985. ÁI (2)⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có khi từ ái sanh ra ái, từ ái sanh ra nhuế, từ nhuế sanh ra ái, từ nhuế sanh ra nhuế⁷³.

“Thế nào là từ ái sanh ra ái? Có người đối với chúng sanh⁷⁴ là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Mọi người khác đối với người này đáp lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nó tự nghĩ: ‘Ta đối với chúng sanh kia là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Những người khác đối xử với chúng sanh kia cũng hoan hỷ, đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích ý⁷⁵. Cho nên ta lại sanh yêu mến mọi người khác.’ Đó gọi là từ ái sanh ra ái.

“Thế nào là từ ái sanh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nhưng mà những người khác đối xử với chúng sanh kia lại không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý. Nó nghĩ rằng: ‘Ta đối với chúng sanh kia, là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nhưng những người khác đối xử với người kia lại không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích ý. Cho nên ta sanh ra sân nhuế đối với mọi người kia.’ Đó gọi là từ ái sanh ra nhuế.

“Thế nào là từ nhuế sanh ra ái? Có một người đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Những người khác lại đối xử với người kia không hoan hỷ, không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích

⁷². A.4.200. Pema.

⁷³. Paḷi: cattaṛi pemaṇi, bốn sự luyến ái.

⁷⁴. Paḷi: puggalo puggalassa iææho hoti, một người này là khả ái đối với một người kia.

⁷⁵. Paḷi: yo kho myaṇyaṇ puggalo iææho... taṇ pare iææhena... samudaṇcaranti, người mà đối với ta là khả ái, người ấy được mọi người đối xử một cách khả ái.

ý.⁷⁶ Do đó nên ta đối với những người khác sanh ra ái niệm⁷⁷. Đó gọi là từ nhuế sanh ra ái.

“Thế nào là từ nhuế sanh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Mọi người khác đối xử với người này lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Nó nghĩ rằng: ‘Ta đối với chúng sanh kia không là hoan hỷ, không là đáng yêu, không là đáng nhớ, không là đáng thích ý. Nhưng mà người khác đối với người kia lại là hoan hỷ, là đáng yêu, là đáng nhớ, là đáng thích ý. Do đó ta sanh lòng sân nhuế đối với người khác ấy.’ Đó gọi là từ nhuế sanh ra nhuế.

“Nếu Tỳ-kheo nào lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán... cho đến thành tựu an trụ Sơ thiền, cho đến Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thì ái từ ái sanh, nhuế từ nhuế sanh, nhuế từ ái sanh, ái từ nhuế sanh, tất cả đều đã đoạn, đã biến tri. Đoạn tận cội gốc của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la, không thể mọc lại nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo nào sạch hết hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay đời hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Chính lúc này không bốc lên, không chống trả⁷⁸, không nổi bụi, không thiêu đốt, không hiềm người⁷⁹.

“Thế nào là bị bốc lên? Thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã trong sắc, sắc trong ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là bị bốc lên.

“Thế nào là không bị bốc lên? Không thấy sắc là ngã, sắc khác

⁷⁶. Nhảy sót trong bản Hán. Theo văn mạch các đoạn trên, cần thêm: “Nó nghĩ như vậy: Ta đối với chúng sanh kia là không hoan hỷ... Những người khác đối với chúng sanh kia cũng không hoan hỷ... Do đó, Ta...”.

⁷⁷. Tức là, sanh ái niệm đối với những ai không ưa người mà mình không ưa.

⁷⁸. Hán: bất hoàn cử 不還舉. Bản Hán thiếu. Theo văn dưới bổ túc.

⁷⁹. Hán: bất tự cử, bất khởi trần, bất xí nhiên, bất hiềm bỉ 不自舉,不起塵,不熾然不嫌彼. Pāṭi: neva usseneti na paṅṅisseneti na dhuṃpaṃyati na pajjati na sampajjhaṃyati: không bị lôi cuốn, không bị kháng cự, không bị xông khói, không bốc cháy, không khô cần.

ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc; và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không bị bốc lên.

“Thế nào là chống trả? Đối với người mạ lỵ thì mạ lỵ lại; đối với người sân giận thì sân giận lại, đối với người đánh thì đánh lại; đối với người xúc phạm thì xúc phạm lại. Đó gọi là chống trả.

“Thế nào là không chống trả? Đối với người mắng chửi mà không mắng chửi lại; đối với người sân giận mà không sân giận lại; đối với người đánh mà không đánh lại; đối với người xúc phạm mà không xúc phạm lại. Đó gọi là không chống trả lại.

“Thế nào là nổi bụi? Có ngã, ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái⁸⁰. Đó gọi là khởi trần lao.

“Thế nào là không nổi bụi? Không có ngã, không có ngã dục,... *cho đến* mười tám thứ ái không khởi. Đó gọi là không khởi trần lao.

“Thế nào là thiêu đốt? Có ngã sở, ngã sở dục,... *cho đến* mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

“Thế nào là không thiêu đốt? Không có ngã sở, không có ngã sở dục,... *cho đến* không có mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

“Thế nào là hiềm người? Thấy ngã chân thật, mà khởi lên ngã mạn, ngã dục, ngã sử; không đoạn, không biến tri⁸¹. Đó gọi là hiềm người.

“Thế nào là không hiềm người? Không thấy ngã là chân thật, đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử đã đoạn, đã biến tri. Đó gọi là không hiềm người.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 986. HAI SỰ KHÓ ĐOẠN⁸²

Tôi nghe như vậy:

⁸⁰. Xem kinh 984 trên.

⁸¹. Paøli: *asmimaøno pahino na hoti*, không đoạn trừ phức cảm (mạn) về ý tưởng “Tôi hiện hữu”.

⁸². Không thấy Paøli tương đương.

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai sự đoạn tuyệt khó duy trì. Những gì là hai? Nếu nơi người thế tục, nơi phi nhân, mà duy trì sự đoạn tuyệt đối với những nhu cầu của cuộc sống như cơm ăn, áo mặc, giường nằm v.v... đó là việc làm khó. Lại nữa, Tỳ-kheo là người xuất gia, không nhà, đoạn trừ tham ái. Duy trì sự đoạn tuyệt ấy cũng là một việc làm rất khó.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Thế gian có hai việc,
Trì đoạn thì khó làm.
Đó là lời chân thật,
Những gì Phật đã biết.
Tại gia tiền thu chi,
Cơm áo mọi vật dụng,
Tham ái bởi thế gian,
Muốn đoạn rất khó khấn.
Tỳ-kheo đã lìa dục,
Tin xuất gia, không nhà;
Diệt trừ các tham ái,
Trì đoạn cũng khó làm.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 987. HAI PHÁP⁸³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta y chỉ, an trụ nhiều nơi hai pháp. Những gì là hai? Đó là, đối với các pháp thiện Ta chưa từng biết đủ; đối với việc đoạn pháp ác Ta chưa từng lìa bỏ. Vì đối với pháp thiện không biết đủ và đối với việc đoạn trừ pháp ác chưa từng lìa bỏ, nên dù đến da khô thịt tiêu, gân liền với xương, trọn không lìa bỏ cố gắng siêng năng, không bỏ thiện

⁸³. Không thấy Paøli tương đương.

pháp, không được những điều chưa được thì quyết không dừng nghỉ; đối với tâm yếu kém chưa từng sanh vui mừng, lúc nào cũng ưa thích tiến lên, vượt lên đạo cả. Vì sống tinh tấn như vậy nên mau đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với hai pháp này Tỳ-kheo nên y chỉ, an trụ nhiều. Đối với các pháp thiện thì không sanh ý tưởng thỏa mãn. Y chỉ trên những đoạn trừ chưa từng lia bỏ,... *cho đến* da khô, thịt tiêu, gân liền với xương, siêng năng nỗ lực không ngừng mới có thể tu tập pháp thiện. Cho nên Tỳ-kheo đối với các điều hạ liệt chớ nên⁸⁴ sanh ý tưởng hoan hỷ, hãy nên lúc nào cũng sống, tu tập thẳng tiến hơn nữa. Tu tập như vậy, không bao lâu sẽ nhanh chóng diệt tận các lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 988. ĐẾ THÍCH (1)⁸⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân, với hình sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, lui đứng qua một bên. Do oai lực của thân trời, ánh sáng chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã từng ở trong hang đá núi Cách giới⁸⁶ nói rằng: ‘Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào vô thượng ái tận giải thoát, tâm khéo giải thoát, vị ấy đã tận cùng mục đích, tận cùng lý nhiệm, tận cùng phạm hạnh⁸⁷.’ Thế nào là Tỳ-kheo đã tận cùng

⁸⁴. Nguyên Hán sót phủ định từ. Theo nội dung, thêm vào.

⁸⁵. Paḷi, S.40.10. Sakka.

⁸⁶. Cách giới sơn 隔界山.

⁸⁷. Cf. Cuḍḍa-Taḥaṣaīkhaya-sutta, M. i. 249: taḥaṣaīkhayavimutto hoti accaṇṭniṃṣo accantayogakkhemi accantabrahmacārī accantapariyosaṇo seṣṣo devamanussaṇan ti: vị ấy giải thoát với khát ái đã tận diệt, đã tận cùng

mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh?”

Phật bảo Đế Thích:

“Tỳ-kheo nào biết như thật khi tiếp nhận những cảm giác có được hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc; biết như thật về các thọ tập, thọ diệt, thọ vị, thọ hoạn, thọ xuất. Sau khi đã biết như thật rồi, quán sát thọ kia vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Sau khi đã quán sát như vậy, chắc chắn đi đến tận cùng, tột cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh.

“Này Câu-thi-ca, đó gọi là Tỳ-kheo đi đến tận cùng trong Chánh pháp luật, tột cùng mục đích, tận cùng ly nhiễm, tận cùng phạm hạnh... *cho đến* Thiên đế Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

M

KINH 989. ĐẾ THÍCH (2)⁸⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quạt, cuối đêm dậy kinh hành, trông thấy có ánh sáng chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thấy rồi liền nghĩ: ‘Đêm nay hoặc có Đại lực quỷ thần đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này.’

Bấy giờ, vào sáng sớm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cuối đêm qua con ra khỏi phòng kinh hành, trông thấy ánh sáng chói lọi chiếu khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Thấy rồi nghĩ thầm: ‘Chắc có vị Đại lực quỷ thần nào đến chỗ Thế Tôn nên có ánh sáng này.’”

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

‘Cuối đêm qua Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Ta cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi lui qua một bên...’ *Nói rộng như kinh trên...* hoan hỷ, tùy

mục đích cứu cánh, tuyệt đối an ổn thoát khỏi gông cùm, tuyệt đối phạm hạnh, tuyệt đối viên mãn, tối thượng giữa chư Thiên và Nhân loại.

⁸⁸. Tham chiếu kinh 988 trên. Cf. M.i.320 (Curoa-Taihaṣaīkhaya-sutta).

hỷ làm lễ mà lui.

M

KINH 990. LỘC TRỤ (1)⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát, đi đến thành Xá-vệ, lần lượt khát thực, đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ⁹⁰. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan vội vàng sửa soạn chỗ ngồi và mời Tôn giả A-nan an tọa. Sau đó, Ưu-bà-di Lộc Trụ cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi đứng lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Thưa Tôn giả, pháp của Thế Tôn cần được hiểu như thế nào? Cha của con là Phú-lan-na⁹¹ trước kia tu phạm hạnh, lìa dục, thanh tịnh, không đeo hương hoa, xa lìa những thứ phàm tục thô bỉ⁹². Còn chú là Lê-sư-đạt-đa⁹³ không tu phạm hạnh nhưng ông biết đủ. Cả hai người đều qua đời, mà Thế Tôn đều ký thuyết hai người sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau đồng đắc Tư-đà-hàm, sanh về cõi trời Đâu-suất, một lần trở lại thế gian, cứu cánh biên tế của khổ.

“Tại sao, thưa A-nan, người tu phạm hạnh và người không tu phạm hạnh lại cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau và đời sau của họ cũng giống nhau?”

A-nan đáp:

“Này cô, hãy thôi đi! Cô không thể biết được căn tánh sai biệt của chúng sanh thế gian. Như Lai tất biết rõ căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian.”

Nói như vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những gì Ưu-bà-di Lộc Trụ nói bạch hết lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của

⁸⁹. Paḷi, A.10.75. Migasaḷaḷa.

⁹⁰. Lộc Trụ Ưu-bà-di 鹿住優婆夷. Paḷi: Migasaḷaḷa upāsikā.

⁹¹. Phú-lan-na 富蘭那. Paḷi: Puṇṇa.

⁹². Hán: phàm bỉ 凡鄙. Paḷi: Aḍḍhaḍḍha virato methunaḥ gaṃmadhammaḥ, là người ần dật, sống xa lánh các pháp dâm dục thấp hèn.

⁹³. Lê-sư-đạt-đa 梨師達多. Paḷi: Isidatta.

chúng sanh thế gian. A-nan, Như Lai tất biết rõ căn tánh ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Nay A-nan, hoặc⁹⁴ có một người phạm giới⁹⁵. Người ấy không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Lại có một người phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Đối với những người này, so sánh mà nói rằng: ‘Người này cũng có pháp như vậy, người kia cũng có pháp như vậy, ở đây cả hai phải cùng sanh một chỗ, đồng thọ sanh như nhau và đời sau cũng như nhau.’ Người nào so sánh như vậy, sẽ khổ lâu dài, không nghĩa, không lợi ích.

“Này A-nan, người phạm giới kia, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát mà không biết như thật, nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Nên biết người này thoái đọa, không phải thăng tiến. Ta nói người này thuộc hạng thoái đọa.

“A-nan, có kẻ phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nên sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn; nên biết người này thăng tiến chứ không thoái đọa. Ta nói người này thuộc hạng thăng tiến. Nếu chẳng phải Như Lai thì ai có thể biết rõ sự gián cách giữa hai hạng người này?

“Cho nên, này A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia mà thiên chấp người. Chớ so sánh người này với người kia gây bệnh người. Chớ so sánh người này với người kia thì tự chiêu lấy tai hại. Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.

“Như hai hạng người phạm giới, hai hạng người trì giới cũng vậy. Người kia không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trì giới mà người ấy khởi lên thì đã diệt, không còn.

⁹⁴. Paḥli: dasayime... puggalaḥ santo saḍḍivijamaṇaḥ lokasmim, có mười hạng người này hiện diện trong thế gian.

⁹⁵. Phạm giới 犯戒. Paḥli: dussila, ác giới.

“Hoặc người trạo cử tháo động⁹⁶, không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trạo cử của người ấy đã diệt không còn.

“Hoặc người kia sân hận, không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng tâm sân hận của họ đã diệt không còn.

“Hoặc người khổ tham⁹⁷, không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự khổ tham của họ đã diệt không còn.”

Ô uest và thanh tịnh, cũng được nói như trên... *cho đến* “Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.”

“Này A-nan, Ưu-bà-di Lộc Trụ ngu si, trí kém, nên đối với việc thuyết pháp nhất hướng của Như Lai tâm sanh hồ nghi. Thế nào, A-nan, những gì Như Lai dạy có phải là hai hướng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không!”

Phật bảo A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Như Lai nói pháp nếu là hai thì điều này không thể có. Này A-nan, nếu Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng là người trì giới, mà chỗ thọ sanh, là điều Phú-lan-na không thể biết được, rằng Lê-sư-đạt-đa sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? Nếu Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ và Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ này, thì Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết Phú-lan-na sẽ sanh nơi nào, thọ sanh thế nào, đời sau thế nào? A-nan, Phú-lan-na trì giới hơn, còn Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, nếu cả hai mạng chung, thì Ta nói hai người cùng sanh một nơi, cùng thọ sanh như nhau, đời sau cùng đăc Tư-đà-hàm, sanh lên cõi trời Đâu-suất, chỉ một lần sanh trở lại nơi này cứu cánh biên tế của khổ.

“Giữa hai người này nếu chẳng phải Như Lai, thì ai có thể biết được? Cho nên A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì tự sanh tổn giảm. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁹⁶. Hân: trạo động 掉動, hay trạo cử. Pāḷi: uddhata.

⁹⁷. Khổ tham 苦貪. Pāḷi: tibbaraḅgo, ham muốn rất kịch liệt.

M

KINH 99I. LỘC TRÚ (2)⁹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật hạ an cư tại ấp Lưu-lợi⁹⁹ trong thành Di họ Thích. Bấy giờ có Tỳ-kheo hạ an cư trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo kia đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, lần lượt đi đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tỳ-kheo vội vàng sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tỳ-kheo an tọa. Nói giống như kinh A-nan ở trước. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy nói với Ưu-bà-di Lộc Trụ:

“Này cô, hãy thôi đi! Cô làm sao biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh. Này cô, chỉ có Như Lai mới có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh. Nói như vậy xong Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tỳ-kheo kia sau ba tháng hạ an cư, may y xong, đắp y mang bát đi đến ấp Lưu-lợi, thành Di của họ Thích, cất y bát, rửa chân xong, Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những lời đàm luận giữa Tỳ-kheo cùng Ưu-bà-di Lộc Trụ trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ căn tính hơn kém của chúng sanh ở thế gian thôi.

“Kẻ chẳng lìa sân hận, kiêu mạn, có khi khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát.

“Này Tỳ-kheo, lại có một người không lìa sân hận, kiêu mạn, có khi khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát. Nếu suy xét về chúng, rằng: ‘Người này có pháp như vậy, người kia có pháp như vậy, thì ở đây họ cùng đi đến một chỗ, cùng thọ sanh như nhau và đời sau như nhau.’ Người nào so sánh như vậy,

⁹⁸. Paḷi, A. 6.44. Migasaḷaḷa.

⁹⁹. Thích thị Di thành Lưu-lợi ấp 釋氏彌城留利邑.

thường chịu khổ, không nghĩa, không lợi ích.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát, Ta nói người này là kẻ hẹp hòi nhỏ mọn, thấp kém.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát, Ta nói người này là thắng diệu bậc nhất.

“Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ. Cho nên, này Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia... *cho đến* Như Lai mới có thể biết căn tính ưu, liệt.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân, mạn, lúc nào cũng khởi ác hành nơi miệng...” *Còn lại, nói như trên đã nói.*

“Lại nữa, có người hiền thiện, an vui, cùng sống vui thích minh trí, người tu phạm hạnh thích ở chung, nhưng người kia chẳng thích nghe pháp... *cho đến* lúc nào cũng không được tâm giải thoát, nên biết người này trụ nơi đất hiền thiện, mà không thể thăng tiến. Chỗ đất hiền thiện đó là cõi trời, người.

“Lại nữa, có người căn tính hiền thiện, cùng ở chung, được an vui, ưa thích phạm hạnh, lấy làm bạn hữu, ưa nghe chánh pháp, học tập, đa văn, khéo điều phục kiến chấp, lúc nào cũng được tâm pháp giải thoát, nên biết người này ở chỗ hiền thiện, có thể thăng tiến, nên biết người này có đủ khả năng vào dòng Chánh pháp, có chỗ kham năng.

“Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ? Cho nên, Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì sẽ chuốc lấy tai hại, chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người mà thôi.

“Này Tỳ-kheo, Ưu-bà-di Lộc Trụ vì ngu si, trí kém...” *Nói như kinh trên.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 992. PHƯỚC ĐIỀN¹⁰⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế gian có bao nhiêu loại ruộng phước?”

Phật bảo gia chủ:

“Thế gian có hai loại ruộng phước. Những gì là hai? Đó là hữu học cùng vô học.”

Và nói kệ:

*Đời có Học, Vô học,
Đại hội thường kính thỉnh;
Tâm ngay thẳng chân thật,
Thân, miệng cũng như vậy.
Đó là ruộng phước tốt,
Người thí được quả lớn.*

Phật nói kinh này xong, gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



¹⁰⁰. Paḷi, A.2.4.4. Dakkhieyyaṃ. Biệt dịch, N^o26(127).

TẬP A-HÀM QUYỂN 36

KINH 993. TÁN THƯỢNG TỌA¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có các Thượng tọa Tỳ-kheo, sống y chỉ bên cạnh Phật như Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-như, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Mục-kiền-liên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ, Tôn giả Đà-la-phiêu Ma-la Tử, Tôn giả Bà-na-ca-bà-sa, Tôn giả Da-xá-xá-la-ca-tỳ-ha-lợi, Tôn giả Phú-lưu-na, Tôn giả Phân-đà-đần-ni-ca. Như các Thượng tọa này, các Thượng tọa Tỳ-kheo khác cũng sống y chỉ ở bên Phật.

Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá² đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang trú trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ cùng với các Thượng tọa Tỳ-kheo sống y chỉ bên cạnh Phật. Nay ta nên đi đến chỗ Thế Tôn, nói kệ khen ngợi từng Thượng tọa Tỳ-kheo một.” Suy nghĩ như vậy xong, Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, nói kệ:

*Tỳ-kheo Tối thượng tọa,
Đã đoạn các tham dục;
Vượt khỏi các thế gian,
Tất cả mọi tích tụ;
Trí sâu, ít nói năng,
Dũng mãnh siêng phương tiện;
Đạo đức sạch sáng ngời:*

¹. Ấn Thuận, “Tụng vii. Tám chúng, Tương ứng 24. Bà-kỳ-xá”. Gồm mười sáu kinh, Đại Chánh, quyển 45 (nửa sau), kinh 1208-1221; quyển 36, hai kinh đầu, 993-994. Quốc Dịch, quyển 40, “8. Tương ứng Bà-kỳ-xá”, phẩm 2, tiếp theo. Ấn Thuận, “24, Tương ứng Bà-kỳ-xá” tiếp theo, kinh 15. Phật Quang, quyển 46, kinh 1206. Tương đương Paḍli, không thấy. Biệt dịch, N^o100(256).

². Bà-kỳ-xá 婆耆舍. Paḍli: Vaigisa, biện tài đệ nhất.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Con nay cúi đầu lạy,
Đấng hàng phục ma oán,
Xa lìa nơi đám đông;
Không bị năm dục trói,
Thường ở nơi vắng lặng;
Rỗng suốt, ít ham muốn:
Con nay cúi đầu lạy.
Thắng tộc Giá-la-diên,
Thiền tư không phóng dật,
Nội tâm vui chánh thọ,
Trong sạch lìa bụi nhơ,
Tuệ biện hiển nghĩa sâu:
Cho nên con cúi lạy.
Đấng đạt Thần thông tuệ,
Vượt qua sức thần thông;
Trong sáu thứ thần thông,
Tự tại không sợ hãi;
Là thần thông tối thắng:
Cho nên con cúi lạy.
Chúng sanh nơi năm đường,
Cho đến cõi Phạm thế;
Trời, người tưởng ưu liệt,
Trong đại thiên thế giới;
Mắt tịnh thiên thấy hết:
Cho nên con cúi lạy.
Sức phương tiện tinh cần,
Đoạn trừ tập khởi ái;
Xé toạc lưới sanh tử,
Tâm thường vui Chánh pháp;
Lìa các tướng hy vọng,
Vượt qua bờ bên kia;
Trong sạch, không bụi nhơ:
Cho nên con cúi lạy.
Thoát hẳn mọi sợ hãi,
Lìa tài vật, không dính;*

*Biết đủ, không nghi hoặc,
Hàng phục giặc ma oán;
Quán niệm thân thanh tịnh:
Cho nên con cúi lạy.
Không có các thế gian,
Rừng gai góc phiền não;
Trừ hẳn kết phược sử,
Dứt nhân duyên ba cõi;
Tinh luyện diệt các cấu,
Rốt cùng sáng hiện bày;
Nơi rừng lìa khỏi rừng:
Cho nên con cúi lạy.
Dứt giả trá, si, nhuế,
Điều phục các ái hỷ;
Ra khỏi mọi kiến xứ,
Không cửa nhà nương tựa;
Thanh tịnh không vết nhơ:
Cho nên con cúi lạy.
Tâm kia chuyển tự tại,
Kiên cố không khuynh động;
Trí tuệ đại đức lực,
Khuất phục ma khó phục;
Đoạn trừ kết vô minh:
Cho nên con cúi lạy.
Đại nhân xa tối tăm,
Đấng Mâu-ni vắng lặng,
Chánh pháp lìa lối nhơ,
Ánh sáng tự hiện chiếu,
Soi khắp mọi thế giới,
Cho nên gọi là Phật.
Địa thân, hư không thiên,
Thiên tử Tam thập tam;
Ánh sáng ắt bị che,
Cho nên gọi là Phật.
Qua bờ sanh tử hữu,*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Siêu việt vượt mọi loài;
Mềm mỏng khéo điều phục,
Chánh giác đệ nhất giác;
Đoạn tận mọi kết phược,
Hàng phục các ngoại đạo;
Đập tan bọn ma oán,
Đắc Vô thượng Chánh giác;
Lìa trần diệt các cấu:
Cho nên con cúi lạy.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ khen ngợi, các Tỳ-kheo lắng nghe những lời này, tất cả đều hoan hỷ.

M

KINH 994. BÀ-KỠ-XÁ TÁN PHẬT³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, nước Xá-vệ, bị bệnh nặng nguy khốn. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc bệnh nhân, cung cấp cúng dường.

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá nói với Tôn giả Phú-lân-ni:

“Thầy hãy đến chỗ Thế Tôn, chuyển lời tôi bạch Thế Tôn rằng: ‘Tôn giả Bà-kỳ-xá đánh lễ dưới chân Thế Tôn, kính thăm hỏi Thế Tôn ít bệnh, ít não và sống khinh lợi, an vui chăng?’ Lại nói tiếp: ‘Tôn giả Bà-kỳ-xá ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông, đang bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn, nhưng không đủ sức để đến chỗ Phật. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng thương xót đến chỗ của Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông’.”

Lúc ấy, Tôn giả Phú-lân-ni nhận lời đi đến Thế Tôn. Sau khi đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên thưa:

“Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía

³. Biệt dịch, N^o100(257).

Đông bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn nhưng không đủ sức đi đến diện kiến Ngài. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài vì thương xót đến chỗ Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên đánh lễ dưới chân Phật rồi đi.

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến Tôn giả Bà-kỳ-xá. Tôn giả Bà-kỳ-xá từ xa trông thấy Thế Tôn, muốn vịn giường mà đứng dậy. Bấy giờ, Thế Tôn thấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tựa giường muốn gượng dậy, liền bảo:

“Bà-kỳ-xá chớ nên khinh động.”

Thế Tôn liền ngồi xuống hỏi Tôn giả Bà-kỳ-xá:

“Những bệnh khổ của ông có bình hòa, dễ chịu đựng không? Sự đau nhức nơi thân tăng hay giảm.” Nói đầy đủ như kinh Diệm-ma-ca ở trước... *cho đến* “... những bệnh khổ của con có cảm giác càng tăng thêm chứ không thuyên giảm.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Ông đã được tâm không nhiễm, không đắm, không nhớ, giải thoát, lìa các điên đảo, phải không?”

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

“Tâm con không nhiễm, không đắm, không nhớ, giải thoát, lìa các điên đảo.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Làm sao ông có được tâm không nhiễm, không đắm, không nhớ, giải thoát, lìa các điên đảo?”

Bà-kỳ-xá bạch Phật:

“Con đối với sắc quá khứ được nhận thức bởi mắt, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Con ở nơi sắc quá khứ, vị lai, hiện tại được nhận thức bởi mắt, đã dứt sạch niệm tham dục, ái lạc, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viển ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhớ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Cũng vậy, với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Đối với pháp quá khứ được nhận

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thức bởi ý, tâm không luyến tiếc, đối với sắc vị lai, không mơ tưởng, đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Trong pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, niệm tham dục, niệm ái lạc không còn nữa, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhớ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Xin Đức Thế Tôn hôm nay ban cho con điều lợi ích tối hậu, nghe con nói kệ.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Nên biết đúng lúc.”

Tôn giả Bà-kỳ-xá ngồi ngay ngắn, buộc niệm ở trước và nói kệ:

*Nay con ở trước Phật,
Cúi đầu cung kính lạy.
Đối với tất cả pháp,
Thầy đều được giải thoát.
Khéo hiểu các tướng pháp,
Tin sâu, vui Chánh pháp.
Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác,
Thế Tôn là Đại Sư.
Thế Tôn hàng ma oán,
Thế Tôn Đại Mâu-ni;
Diệt trừ tất cả sử,
Tự độ các loài sanh.
Thế Tôn đối thế gian,
Giác tri tất cả pháp.
Thế gian ắt không có
Ai biết pháp hơn Phật.
Ở trong cõi Thiên, Nhân,
Cũng không ai bằng Phật.
Cho nên hôm nay con,
Lễ bậc Đại tinh tấn,
Cúi đầu lễ Thượng sĩ,
Lễ đấng Đại tinh tấn,
Đã nhờ gai ái dục.
Hôm nay giờ phút cuối,
Con được thấy Thế Tôn.*

Cúi lễ đấng Nhật chủng,
Đêm nay Bát-niết-bàn.
Chánh trí buộc chánh niệm,
Đối thân hư hoại này;
Các dư lực còn lại,
Từ đêm nay diệt hẳn.
Ba cõi không còn nhiễm,
Vào Vô dư Niết-bàn.
Cảm thọ khổ và vui,
Cũng không khổ không vui;
Từ nhân duyên xúc sanh,
Hôm nay ứt đoạn tận.
Khổ thọ và lạc thọ,
Cũng không khổ không vui;
Từ nhân duyên xúc sanh,
Hôm nay đều biến tri.
Hoặc bên trong, bên ngoài,
Các cảm thọ khổ vui;
Đối thọ không chỗ đắm,
Chánh trí chánh buộc tâm;
Ban đầu, giữa, sau cùng,
Các tụ không chướng ngại.
Các tụ đã đoạn rồi,
Biết rõ ái không còn.
Người thấy rõ chân thật,
Nói chín mươi mốt kiếp;
Trong ba kiếp không trống,
Có đấng Đại Tiên nhân.
Cõi không không nơi tựa,
Chỉ sợ kiếp khủng bố.
Nên biết Đại Tiên nhân,
Lại xuất hiện thế gian,
An ủi các trời, người,
Mở mắt, lia bụi mờ;
Thức tỉnh các chúng sanh,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Cho biết mọi thứ khổ:
Khổ khổ và khổ tập,
Tịch diệt, vượt qua khổ;
Bát Thánh đạo Hiền thánh,
An ổn đến Niết-bàn.
Điều thế gian khó được,
Hiện tiền tất đã được;
Đời này, được thân người,
Chánh pháp được diễn nói.
Theo những gì mình muốn,
Lìa cấu cầu thanh tịnh;
Chuyên tu tự lợi mình,
Chớ khiến rộng không quả.
Luống không thời sanh lo,
Gần nơi địa ngục khổ.
Đối Chánh pháp được nói,
Không thích, không muốn nhận;
Sẽ ở lâu sanh tử,
Bao giờ dứt luân hồi!
Trường kỳ ôm ưu não,
Như người buồn mất cửa.
Nay con đủ mọi tốt,
Không còn sanh, già, chết.
Luân hồi đã chấm dứt,
Không còn sanh lại nữa.
Dòng nước sông ái, thức,
Từ nay tất cạn khô.
Đã nhổ cội rễ uẩn,
Khoen xích không tiếp nối.
Cúng dường Đại Sư xong,
Việc làm đã hoàn tất,
Gánh nặng đã buông xuống,
Hữu lưu đã đoạn xong;
Không còn thích thọ sanh,
Không còn tử đáng ghét;*

Chánh trí, chánh buộc niệm,
Chỉ chờ phút cuối cùng.
Long tượng nhớ rừng hoang,
Sáu mươi thú hùng mạnh,
Một mai thoát gông xiềng,
Thong dong trong rừng núi.
Bà-kỳ-xá cũng vậy,
Miệng Đại Sư sanh con;
Chán bỏ lừa đồ chúng,
Chánh niệm chờ thời đến.
Nay nói với mọi người,
Những ai đến tụ hội;
Nghe kệ Ta sau cùng,
Nghĩa chúng được lợi ích.
Có sanh ắt có diệt,
Các hành đều vô thường.
Pháp chóng sanh, chóng tử,
Nào đáng nương cậy lâu.
Nên phải có chí mạnh,
Tinh cần cầu phương tiện;
Quán sát có sợ hãi,
Tùy thuận đạo Mâu-ni,
Mau hết khổ ăm này,
Chớ tăng thêm luân chuyển.
Đưa con từ miệng Phật,
Khen nói kệ này xong;
Xin từ biệt đại chúng,
Bà-kỳ-xá Niết-bàn.
Vì tấm lòng từ bi,
Nói kệ vô thượng này;
Tôn giả Bà-kỳ-xá,
Con sanh từ pháp Phật.
Do rĩ lòng bi mẫn,
Nói kệ Vô thượng này;
Sau đó Bát-niết-bàn,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tất cả nên kính lễ.⁴
M

⁴. Tương ứng Bà-kỳ-xá sẽ được tiếp nối nơi quyển 45 (nửa sau), kinh 1028-1221.

KINH 995. A-LUYỆN-NHÃ⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Tỳ-kheo A-luyện-nhã⁶,
An trụ nơi vắng vẻ⁷,
Lặng lẽ tu phạm hạnh,
Ăn chỉ một lần ngồi⁸,
Do vì nhân duyên gì,
Nhan sắc được tươi sáng?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Với quá khứ không lo,
Vị lai không mơ thích;
Hiện tại tùy chỗ được,
Chánh trí buộc giữ niệm.
Ăn uống luôn buộc niệm,
Nhan sắc thường tươi sáng.
Tâm, tưởng ruổi vị lai,
Buồn tiếc theo quá khứ;
Lửa ngu si tự nấu,
Như mưa đá chết cỏ.*

-
5. Ấn Thuận, “25. Tương ưng chú Thiên”, một trăm lẻ tám kinh: 1324-1431, tương đương Đại Chánh, kinh 995-1022 (quyển 36), 576-603 (quyển 22), 1267-1318 (quyển 48). Tương đương Paḷi, S.1. Devataṅga-saṃyutta. Quốc Dịch, phẩm 1, gồm chín kinh, Đại Chánh kinh 995-1003. Paḷi, S.1.1.10. Araṃka. Biệt dịch, N^o100(132).
6. A-luyện-nhã 阿練若. Paḷi: araṃka, vị (Tỳ-kheo) sống trong rừng. Một trong mười hai hạnh đầu đà.
7. Hán: không nhân xứ 空閑處. Paḷi: araṃka, chỗ rừng vắng.
8. Nhất tọa thực 一坐食, chỉ sự ăn một ngày một lần duy nhất trước giờ ngọ. Một trong mười hai hạnh đầu đà. Paḷi: ekabhataṅga = ekaṣanabhata.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 996. KIÊU MẠN⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Không khéo điều phục tâm,
Khởi dục vọng kiêu mạn¹⁰;
Chưa từng tu tịch mặc,
Cũng chẳng vào chánh thọ¹¹.
Ở rừng mà phóng dật,
Không qua đến bờ kia¹².*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

⁹. Paḷi, S.1.9. Maṇakaṃma. Biệt dịch, N^o100(133).

¹⁰. Hán: bất dục khởi kiêu mạn, thiện tự điều kỳ tâm 不欲起憍慢,善自調其心; cú pháp đảo trang. Xét nội dung và đối chiếu Paḷi, sắp xếp lại trước khi dịch. Tham khảo Paḷi: na maṇakaṃmassa damo idhatthi, ở đây, dục kiêu mạn không được chế ngự.

¹¹. Paḷi: na monam atthi asamaḥhitassa, không có Mâu-ni (tịch mặc) đối với tâm không định tĩnh.

¹². Paḷi: na maccudheyassa tareyya paṇan' ti, không thể vượt qua bên kia cảnh giới tử thân.

*Đã lia nơi kiêu mạn,
Tâm thường vào chánh định;
Trí sáng khéo phân biệt,
Giải thoát tất cả phược.
Một mình nơi rừng vắng,
Tâm này không phóng dật;
Nhanh chóng vượt qua bờ
Kẻ thù tử ma kia.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 997. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao được ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng?
Làm sao sanh cõi trời?
Xin Ngài giải nói rõ.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trồng vườn cây ăn quả,
Rừng cây cho bóng mát;*

¹³. Paoli, S.1.47. Vanaropa. Biện dịch, N^o100(134).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Cầu, thuyền dùng qua sông,
Tạo ra nhà phước đức;
Đào giếng giúp đỡ khát,
Khách xá giúp đỡ hành;
Những công đức như vậy,
Ngày đêm thường tăng trưởng.
Giới đầy đủ như pháp,
Nhờ đó sanh cõi trời.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đành lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 998. CHO GÌ ĐƯỢC SỨC LỚN¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Thí gì được sức lớn?
Thí gì được diệu sắc?
Thí gì được an vui?
Thí gì được mắt sáng?
Tu tập những thí nào,
Gọi là nhất thiết thí?
Nay xin hỏi Thế Tôn,
Xin Ngài phân biệt nói.*

¹⁴. Paøli, S.1.42. Kiödada. Biệt dịch, N⁰100(235).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Thí ăn được sức lớn,
Thí y được diệu sắc;
Thí xe được an vui,
Thí đèn được mắt sáng;
Lữ quán để tiếp khách¹⁵,
Gọi là nhất thiết thí.
Đem pháp để dạy người,
Đó là thí cam lộ¹⁶.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đành lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 999. HOAN HỠ¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tên là Tất-bê-lê¹⁸, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ:

*Chư Thiên và người đời,
Đều ưa thích thức ăn;*

15. Pāḷi: upassaya, phòng xá, hay phòng trọ.

16. Pāḷi: amataṃ daddo, cho sự bất tử.

17. Pāḷi, S.1.43. Anna (thực); S.2.23. Seri.

18. Tất-bê-lê 悉鞞梨. Pāḷi: Seri devaputto.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Vậy có các thế gian,
Phước lạc tự theo chăng¹⁹?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau
Theo chỗ người này đến,
Phước báo theo như bóng.
Cho nên bỏ keo kiệt,
Hành huệ thí không nỡ;
Thí rồi, tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.*

Thiên tử Tất-bê-lê này bạch Phật:

“Lạ thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa trên:

*Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau;
Theo chỗ người này đến,
Phước báo theo như bóng;
Cho nên bỏ keo kiệt,
Hành huệ thí không nỡ;
Thí rồi tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.*

Thiên tử Tất-bê-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con tự biết thời quá khứ, đã từng làm quốc vương tên Tất-bê-lê, bố thí, làm phước khắp cả bốn cửa thành. Và ở trong thành kia có bốn giao lộ, ở nơi đó cũng bố thí làm phước.

“Lúc ấy đệ nhất phu nhân đến nói với con: ‘Đại vương làm phước đức lớn, mà tôi không có sức để tu các phước nghiệp.’

“Khi đó, con nói: ‘Ngoài cửa thành phía Đông, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về phu nhân.’

“Các vương tử cũng đến tâu với con: ‘Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân cũng vậy. Mà chúng con không có sức để làm

¹⁹. Paḷi: atha ko naṃma so yakkho, yaṃ annaṃ naḃhinandati ti, có Dạ-xoa tên gì mà không ưa thích đồ ăn?

các phước nghiệp. Nay chúng con xin được nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con đáp: ‘Ngoài cửa thành phía Nam, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về các con.’

“Bấy giờ có quan đại thần lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương, phu nhân, cùng vương tử làm nhiều công đức. Còn hạ thần không có sức làm các phước nghiệp, xin nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con bảo: ‘Ngoài cửa thành phía Tây, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.’

“Bấy giờ, các tướng sĩ lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương, làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử và các đại thần đều cùng làm, chỉ có chúng hạ thần không có sức để làm phước nghiệp, xin nương vào Đại vương để làm.’

“Khi đó, con đáp: ‘Ngoài cửa thành phía Bắc, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.’

“Bấy giờ, thứ dân trong nước lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử, đại thần, các tướng sĩ đều cùng làm. Chỉ có chúng tôi không có sức để tu phước, nguyện xin nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con đáp: ‘Trong thành kia, ở đầu bốn giao lộ, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các người.’

“Bấy giờ, vua, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mọi người đều bố thí, làm các công đức. Việc huệ thí công đức trước đây của con do đó mà bị gián đoạn. Khi đó những người con đã bảo họ làm phước đều trở về chỗ con, làm lễ con và tâu con rằng: ‘Đại vương nên biết, những nơi tu phước, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mỗi người đều y cứ chỗ mình mà bố thí, làm phước. Sự bố thí của Đại vương đến do đó mà bị gián đoạn.’

“Khi đó, con đáp: ‘Này Thiện nam, các nước láng giềng hằng năm nộp tài vật cung ứng cho ta, phân nửa cho vào kho, còn phân nửa để lại các nước ấy thí ân, làm phước.’

“Người kia vâng theo lệnh vua, đến nước lân cận, gom góp tài vật, phân nửa cho vào kho, phân nửa để lại cho nước đó thí ân, làm phước.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

“Trước kia con trường kỳ thí ân, làm phước như vậy, nên luôn luôn được phước báo khả ái, khả niệm, khả ý, thường hưởng được khoái lạc không cùng tận. Do phước nghiệp này cùng với quả phước báo phước, tất cả đều dồn vào nhóm công đức lớn. Ví như năm con sông lớn hợp thành một dòng, đó là sông Hằng, Da-bố-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đề, Ma-hê. Năm con sông này hợp thành một dòng như vậy mà không ai có thể đo lường số lượng trăm, ngàn, vạn, ức đấu hộc nước sông kia. Nước của con sông lớn này trở thành một khối lượng nước lớn. Quả báo của các công đức đã làm của con cũng như vậy, không thể đo lường, tất cả đều nhập vào nhóm công đức lớn.”

Thiên tử Tát-bê-lê nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

M

KINH 1000. VIỄN DU²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Người nào có thể làm
Thiện tri thức viễn du²¹?
Người nào có thể làm
Thiện tri thức tại gia?
Người nào có thể làm
Thiện tri thức thông tài²²?
Người nào có thể làm
Thiện tri thức đời sau?*

20. Paøli, S.1.53. Mitta. Biệt dịch, N^o100 (237).

21. Paøli: pavasato mittao, bạn trong khi đi đường.

22. Hán: thông tài thiện tri thức 通財善知識. Paøli: mittao atthajaøtassa, bạn hiểu biết công việc, bạn khi cần.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người dẫn đầu đoàn buôn,
Thiện tri thức du hành.
Vợ hiền lương trinh chính,
Thiện tri thức tại gia.
Thân tộc gần gũi nhau,
Thiện tri thức thông tài.
Công đức mình tu tập,
Thiện tri thức đời sau.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đành lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1001. XÂM BỨC²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Vận tối đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng.
Bị sự già bức bách,
Mà không người cứu hộ.
Thấy già, bệnh, chết đó,
Khiến người sợ vô cùng.*

²³. Paøli, S.1.3. Upaneyya; S.2.2.9. Uttara. Biệt dịch, N^o100(138).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Chỉ làm các công đức,
Vui đi đến chỗ vui.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Vận tối đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng.
Bị sự già bức bách,
Mà không người cứu hộ.
Thấy lỗi hữu dư này,
Khiến người sợ vô cùng.
Đoạn tham ái ở đời,
Nhập Niết-bàn vô dư.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1002. ĐOẠN TRỪ²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Đối mấy pháp đoạn trừ?
Mấy pháp nên vất bỏ?
Và đối với mấy pháp,
Tặng thượng phương tiện tu?*

²⁴. Paøli, S.1.5. Kati chande. Biệt dịch, N⁰100(140).

*Phải siêu việt mấy tu²⁵,
Tỳ-kheo vượt dòng siết²⁶?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm đoạn trừ, năm xả²⁷,
Đối năm căn tu thêm²⁸,
Vượt lên năm hòa hợp²⁹,
Tỳ-kheo qua dòng sâu.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1003. TỈNH NGŨ³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Mấy người ngủ khi thức?
Mấy người thức khi ngủ³¹?*

25. Paøli: saígaøtigo, (người) siêu việt chấp trước, thoát khỏi sự kết buộc.

26. Paøli: oghatiòò, (người) vượt qua dòng thác.

27. Đây chỉ đoạn trừ năm triền cái, xả năm dục.

28. Năm căn, chỉ năm vô lậu căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ.

29. Năm hòa hiệp, chỉ năm kết: tham, sân, mạn, tật đố, keo kiệt (xan). Paøli: paóca saígaøtigo.

30. Paøli, S.1.6. Jaøgara. Biệt dịch, N⁰100 (141).

31. Paøli: kati jaøgarataø suttaø, kati suttesu jaøgaraø, bao nhiêu (pháp) mình ngủ khi người khác thức? Bao nhiêu (pháp) mình thức khi người ngủ?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Mấy người đấm bụi nhơ?
Mấy người được thanh tịnh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm người ngủ khi thức.
Năm người thức khi ngủ.
Năm người đấm bụi nhơ.
Năm người được thanh tịnh³².*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1004. HỔ TƯƠNG HOAN HỖ³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Mẹ con vui với nhau,
Trâu chúa thích trâu mình.
Chúng sanh thích hữu dư³⁴,
Không ai thích vô dư.*

³². Biệt dịch Tạp A-hàm 8, kinh 10: Người trì năm giới, tuy ngủ mà là thức. Người tạo năm ác, tuy thức mà ngủ. Bị năm cái che lấp: nhiễm bụi bặm. Có năm Vô học phần: thanh tịnh ly cấu.

³³. Quốc Dịch, “9. Tương ưng chư Thiên, phẩm 2”. Paḍli, S.1.12. Nandati. S.4.1.8. Nandana. Biệt dịch, N^o100(142).

³⁴. Chỉ hữu y hay sanh y. Paḍli: upadhi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mẹ con lo lẫn nhau,
Trâu chúa lo trâu mình;
Hữu dư chúng sanh lo,
Vô dư thì không lo.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1005. NGƯỜI VẬT³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Vật gì là của người?
Cái gì bạn bạc nhất?
Cái gì để nuôi sống?
Chúng sanh nương nơi nào?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ruộng, nhà: của chúng sanh.
Vợ hiền: bạn bạc nhất;
Ăn uống để nuôi sống,
Chúng sanh nương vào nghiệp.*

³⁵. Paøli, S.1.54. Vatthu. Biệt dịch, N^o100(231).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1006. YEAU AI HON CON³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Yêu ai hơn yêu con.
Của nào quý hơn bò.
Sáng gì hơn mặt trời.
Tát-la³⁷ không hơn biển.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Yêu ai bằng yêu mình.
Tiền của nào hơn thóc.
Sáng gì hơn trí tuệ,
Tát-la đâu bằng thấy³⁸.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

³⁶. Paøli, S.1.13. Natthiputtasama. Biệt dịch, N⁰100(232).

³⁷. Tát-la 薩羅 . Paøli: sara, chỉ biển hồ, không lớn hơn biển Đại dương (Samudda).

³⁸. Paøli: vuææhi ve paramaø saraø ti, mưa là biển hồ tối thượng. Bản Hán, đọc là diææhi (thấy, kiến) thay vì vuææhi (mưa).

*Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đành lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1007. SÁT-LỢI³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Hai chân, Sát-lợi tôn.
Bốn chân, bò đực⁴⁰ hơn.
Trẻ đẹp⁴¹ là vợ nhất,
Quý sanh⁴² là con nhất.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hai chân, Chánh giác tôn.
Bốn chân, ngựa thuần hơn.
Thuận chồng là vợ hiền,
Lậu tận con quý nhất⁴³.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,*

³⁹. Paḷi, S.1.2.4. Khattiya. Biệt dịch, N⁰100 (233).

⁴⁰. Phong ngữu 犍牛. Paḷi: balivaddo, bò đực.

⁴¹. Hán: đồng anh 童英. Paḷi: komari, đồng nữ, thiếu nữ, quý nữ.

⁴². Quý sanh 貴生. Paḷi: pubbaja, sanh trước, con trai trưởng.

⁴³. Paḷi: yo ca puttaṅnam assavo'ti, hiểu thuận là con quý nhất. Bản Hán đọc nhầm assava (trung thực, hiểu thuận) thành asava rồi hiểu là tính lược của anaṃsava (vô lậu).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1008. CHỮNG TỬ⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngổi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi rụng xuống,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh⁴⁵,
Cái gì là bậc nhất?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?*

Lúc ấy có một Thiên tử vốn con nhà nông, nay được sanh lên cõi trời, vì theo tập khí trước nên liền nói kệ đáp lại Thiên tử kia:

*Ngũ cốc từ đất sanh,
Thì đó là tối thắng.
Hạt giống từ không trung,
Rơi xuống đất hơn hết.
Con bò giúp đỡ người⁴⁶,*

⁴⁴. Quốc Dịch phân thành hai kinh: Chúng tử kinh, Thế gian kinh. Paøli, S.1.74. Vuææhi; S.1.70. Loka. Biệt dịch, N^o100 (234, 235).

⁴⁵. Hán: kỳ thỉnh xứ 祈請處. Paøli: pavajamaønaønam, trong những cái đi lang thang. Bản Hán đọc là pavaøraøø.

⁴⁶. Paøli: gaøvo pavajamaønaønaø, trong các con đi lang thang, con bò (là bậc

*Chỗ cây nhờ tốt nhất.
Lời nói yêu con cái,
Đây là lời hay nhất.*

Vị Thiên tử vốn nêu câu hỏi bèn hỏi lại vị Thiên tử trả lời:
“Tôi không hỏi đến anh, cơ sao lại nhiều lời khinh tháo vọng
nói. Tôi tự nói kệ hỏi Thế Tôn:

*Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi xuống đất,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh,
Cái gì là tối thắng?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Từ dưới đất vọt lên,
Tam minh là tối thượng⁴⁷.
Từ hư không rơi xuống,
Tam minh cũng bậc nhất.
Chúng đệ tử Hiền thánh,
Là thầy nương cao quý⁴⁸.
Những gì Như Lai nói,
Là biện thuyết bậc nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Thế gian mấy pháp khởi⁴⁹?
Mấy pháp được thuận theo⁵⁰?
Đời mấy pháp thủ ái⁵¹?*

nhất).

⁴⁷. Pāḷi: avijjaṃ nipatataṃ varaṃ, vô minh là bậc nhất trong những cái đọa lạc.

⁴⁸. Hán: sư y 師依. Pāḷi: saṅgho pavajamaṇaṇaṇaṃ, Tăng là bậc nhất trong những người thường du hành.

⁴⁹. Pāḷi: kismiṃ loko samupamuppanno, thế gian tập khởi trên cái gì?

⁵⁰. Pāḷi: kismiṃ kubbati santhavaṃ, (thế gian) kết hợp trên cái gì?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đời mấy pháp tồn giảm⁵²?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đời khởi do sáu pháp⁵³.

Đời thuận hiệp sáu pháp.

Đời, sáu pháp thủ ái

Đời, sáu pháp tồn giảm.

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1009. TÂM⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Ai lời thế gian đi?

Ai câu dẫn thế gian⁵⁵?

Cái gì là một pháp,

Chế ngự nơi thế gian?

⁵¹. Thủ ái 取愛. Paḥli: kissa loko upaḥdaḥya, thế gian chấp thủ cái gì?

⁵². Paḥli: kismiḥ loko vihaḥāḥti, thế gian bị cái gì bức khổ?

⁵³. Sáu pháp chỉ sáu xứ.

⁵⁴. Paḥli, S.1.62. Citta. Biệt dịch, N^o100(236).

⁵⁵. Câu khiến 拘牽. Ấn Thuận đọc là câu dẫn 拘牽. Paḥli: kenassu parikissati, (thế gian) khốn đốn vì cái gì? Bản Hán đọc là parikassati, lời kéo đi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tâm đem thế gian đi,
Tâm câu dẫn thế gian;
Tâm kia là một pháp,
Hay chế ngự thế gian.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1010. PHƯỚC⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì trói thế gian?
Điều phục gì để thoát⁵⁷?
Đoạn trừ những pháp nào,
Gọi là đạt Niết-bàn?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dục hay trói thế gian⁵⁸,
Điều phục dục, giải thoát⁵⁹;*

⁵⁶. Paøli, S.1.64. Saøyojana. Biệt dịch, N⁰100(237).

⁵⁷. Paøli: kiösu tassa vicaøraöä, cái gì là bước chân của thế gian?

⁵⁸. Paøli: nandisaøyojano loko, thế gian bị trói buộc bởi hỷ.

⁵⁹. Paøli: vitakkassa vicaøraöä, tâm cầu là bộ hành của thế gian.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Người đoan trừ ái dục,
Nói là đạt Niết-bàn.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1011. YẾM⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì khép thế gian?
Gì bao phủ thế gian?
Gì kết buộc chúng sanh?
Đời dựng trên cái gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Suy già khép thế gian,
Chết bao phủ thế gian;
Ái kết buộc chúng sanh,
Pháp dựng đứng thế gian.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

⁶⁰. Paøli, S.1.68. Pihita. Biệt dịch, N^o100 (238).

*Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1012. VÔ MINH⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì che thế gian?
Cái gì trói thế gian?
Cái gì nhớ chúng sanh?
Gì dựng cờ chúng sanh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Vô minh che thế gian,
Ái ràng buộc chúng sanh;
Ẩn⁶² phú nhớ chúng sanh,
Ngã mạn, cờ chúng sanh.*

Thiên tử này lại nói kệ hỏi Phật:

*Ai không bị trùm kín?
Ai không bị ái buộc?
Ai ra khỏi ẩn phú?
Ai không dựng cờ mạn?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Như Lai Đẳng Chánh Giác,
Chánh trí tâm giải thoát,*

⁶¹. Không thấy Paøli tương đương. Biệt dịch, N^o100 (239).

⁶². Ẩn phú ức chúng sanh 隱覆憶眾生; chưa rõ nghĩa. Ẩn phú, Paøli: makkha (?); ngụy thiện, đạo đức giả.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Không bị vô minh phủ,
Cũng không bị ái buộc,
Vượt ra khỏi ẩn phủ,
Bẻ gãy cờ ngã mạn.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1013. TÍN⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngổi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Những gì là tài vật,
Mà thượng sĩ sở hữu⁶⁴?
Làm sao khéo tu tập,
Để đạt đến an vui?
Làm sao trong các vị,
Được vị ngọt tối thượng?
Làm sao trong chúng sanh,
Đạt tuổi thọ cao nhất⁶⁵?*

63. Quốc Dịch, “9, Tướng ứng chư Thiên, phẩm 3”. Pāḷi: S.1.7³. Vitta. Biệt dịch, N⁰100 (240).

64. Pāḷi: kiōsu vittaō purisassa seææhaō, trong những gì là tài sản tối thượng của con người?

65. Pāḷi: kathaōjivivō jivitamaøhu seææhan'ti, sống như thế nào là đời sống tối thượng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tâm thanh tịnh, tín lạc,
Là của bậc nhất của người.
Đối Chánh pháp tu hành,
Mang lại quả an lạc.
Lời vi diệu chân thật,
Là vị ngọt tuyệt nhất.
Đời sống tuệ Hiền thánh⁶⁶,
Là tuổi thọ cao nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1014. ĐỆ NHỊ⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Thế nào là Tỳ-kheo,
Có bạn đồng với mình⁶⁸?
Thế nào là Tỳ-kheo,*

⁶⁶. Trí tuệ mạng 智慧命 . Paḥli: paóóaajivivó, đời sống trí tuệ.

⁶⁷. Paḥli, S.1.59. Dutiya. Biệt dịch, N⁰100 (241).

⁶⁸. Đệ nhị 第二 ; người thứ hai, tức người bạn đồng hành hay sống chung. Paḥli: kiósu dutiyavó purisassa hoti, nơi những gì là bạn của con người.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Có tùy thuận giáo thọ⁶⁹?
Tỳ-kheo ở nơi nào,
Tâm rong chơi thỏa thích?
Thỏa thích nơi đó rồi,
Đoạn trừ các kết phược⁷⁰?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tín, là bạn đồng hành,
Trí tuệ: vị giáo thọ;
Niết-bàn: chốn hỷ lạc,
Tỳ-kheo đoạn kết phược.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1015. TRÌ GIỚI⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Gì là tốt đến già?
Gì là tốt xác lập?*

⁶⁹. Paøli: kiösu cenaö pasaø sati, bằng cái gì mà dạy dỗ con người?

⁷⁰. Paøli: kissa caøbhirato macco,sabbadukkhao pamuccati ti, con người vui thú nơi cái gì mà giải thoát mọi khổ đau?

⁷¹. Paøli, S.1.51. Jaøra. Biệt dịch, N^o100 (242).

*Gì là của báu người?
Cái gì giặc chẳng đoạt?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chánh giới tốt đến già.
Tịnh tín tốt xác lập.
Trí tuệ, báu của người,
Công đức giặc không đoạt.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1016. CHÚNG SANH (1)⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dòng ruồi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Cái gì không giải thoát?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dòng ruồi trước tiên;*

⁷². Paøli, S.1.56. Jana (2). Biệt dịch, N^o100 (243).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Chúng sanh khởi sanh tử⁷³,
Pháp khổ không giải thoát.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1017. CHÚNG SANH (2)⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Pháp gì chỗ nương cậy?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

*Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dong ruổi trước tiên;
Chúng sanh khởi sanh tử,
Nghịệp pháp chỗ nương cậy.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

⁷³. Paøli: satto saøsaøram aøpaødi, chúng sanh đọa lạc sanh tử.

⁷⁴. Paøli, S.1.57. Jana (3). Biệt dịch, N^o100 (244).

*Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1018. CHÚNG SANH (3)⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sanh chúng sanh?
Những gì dong ruổi trước?
Cái gì khởi sanh tử?
Pháp gì đáng sợ nhất?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái dục sanh chúng sanh,
Ý dong ruổi trước tiên;
Chúng sanh khởi sanh tử,
Nghiệp là đáng sợ nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁷⁵. Paøli, S.1.55. Jana (1). Biệt dịch, N^o100 (245).

KINH 1019. PHI ĐẠO⁷⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Gì gọi là phi đạo⁷⁷?
Cái gì ngày đêm đời⁷⁸?
Cái gì như phạm hạnh?
Cái gì lụy thế gian⁷⁹?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tham dục là phi đạo,
Tuổi thọ ngày đêm đời;
Người nữ như phạm hạnh,
Người nữ lụy thế gian⁸⁰.
Nhiệt hành, tu phạm hạnh,
Rửa sạch các lỗi nhờ⁸¹.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

⁷⁶. Paøli, S.1.58. Uppatha. Biệt dịch, N^o100(246).

⁷⁷. Phi đạo 非道. Paøli: uppatha, con đường lầm lạc, tà đạo.

⁷⁸. Nhật dạ thiên 日夜遷, có lẽ là tận 盡. Paøli: rattindivakkhayo, bị tận diệt ngày đêm.

⁷⁹. Paøli: kiõ sinaønam anodakaõ, sự tắm gì không nước?

⁸⁰. Paøli: etthaøyaõ sajjate pajaøø, ở đây mọi người dính mắc nó. Bản Hán đọc iææhi (nữ thay vì ettha (ở đây)).

⁸¹. Paøli: tapo ca brahmacariyaóca, taõ sinaønam anodakaõ, khổ hạnh và phạm hạnh, là sự tắm không có nước.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1020. VÔ THƯỢNG⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì ánh thế gian⁸³?
Pháp gì là trên hết?
Những gì là một pháp,
Chế ngự khắp chúng sanh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Danh ngợi sáng thế gian,
Danh là nhất trên đời;
Chỉ có một pháp 'danh',
Chế ngự cả thế gian.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁸². Paøli, S.1.61. Naøma. Biệt dịch, N^o100(247).

⁸³. Paøli: kiøsu sabbaø addhabhavi, cái gì chinh phục tất cả?

KINH 1021. KỆ NHÂN⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì nhân của kệ?
Kệ lấy gì trang nghiêm⁸⁵?
Kệ này nương nơi đâu⁸⁶?
Thế của kệ là gì⁸⁷?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dục⁸⁸ là nhân của kệ,
Văn tự trang nghiêm kệ;
Danh là chỗ kệ nương,
Tạo tác⁸⁹ là thế kệ.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁸⁴. Pāḷi, S.1.60. Kavi. Biệt dịch, N^o100(248).

⁸⁵. Pāḷi: kiṃsu taṃsaṃ viyaōjanaṃ, cái gì là tiêu tướng (= văn cú) của chúng?

⁸⁶. Pāḷi: kiṃsu sannissitaṃ gaṃthaṃ, thi kệ y cái gì?

⁸⁷. Pāḷi: kiṃsu gaṃthaṃnaṃ aṃsaṃyo, cái gì là sở y của kệ?

⁸⁸. Pāḷi: chando (trung tính): âm vận; bản Hán hiểu là nam tính: dục hay ý muốn.

⁸⁹. Pāḷi: kavi, thi nhân.

KINH 1022. BIẾT XE⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao biết xe cộ?
Làm sao lại biết lửa?
Làm sao biết quốc độ?
Làm sao biết được vợ?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

*Thấy cờ lọng biết xe,
Thấy khói thời biết lửa;
Thấy vua biết quốc độ,
Thấy chồng biết được vợ.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.



⁹⁰. Paoli, S.1.72. Ratha. Biệt dịch, N^o100(249).